

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2025/DLVN-BCTN

Phủ Thọ, ngày 17 tháng 04 năm 2025

V/v: Công bố Báo cáo thường niên năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
Mã chứng khoán/Mã thành viên : DVM
Trụ sở chính : Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ,
Việt Nam
Điện thoại : (84-24) 3984 1255
Người thực hiện CBTT : Vũ Thành Trung
Loại thông tin công bố : ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/04/2025
tại đường dẫn <https://duoclieuvietnam.com.vn/vi>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: VT, PC.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Vũ Thành Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM (VIETMEC)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024





MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04	IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	45
I. THÔNG TIN CHUNG	07	1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	46
1. Thông tin khái quát	08	2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	49
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12	3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	51
3. Sơ đồ tổ chức	14		
4. Định hướng phát triển	20		
5. Các rủi ro	21		
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023	27	V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	53
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28	1. Hội đồng quản trị	54
2. Tổ chức và nhân sự	31	2. Ban Kiểm soát	58
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	33	3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	59
4. Tình hình tài chính	34	4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	60
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	37		
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	39	VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	61
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	40	1. Định hướng phát triển bền vững	62
2. Tình hình tài chính	41	2. Các chỉ tiêu phát triển bền vững	63
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	43		
4. Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2024	44	VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	65
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	44		



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, đối tác, khách hàng cùng toàn thể CBNV!

Ngành Dược trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng chậm trong năm 2024.

Nhìn lại chặng đường năm 2024, 06 tháng đầu năm đa phần doanh nghiệp ngành dược vẫn đang chật vật để vượt qua cơn “bĩ cực”. Có doanh thu nhưng lợi nhuận khiêm tốn chưa có đà bứt phá. Bên cạnh một số doanh nghiệp tạm thời thoát khỏi mức nền âm thì nhiều “ông lớn” trong ngành vẫn báo lỗ do các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh tăng cao. Biến động giá nguyên liệu đầu vào, sức mua sụt giảm do bị giới hạn bởi xu hướng thắt chặt chi tiêu của người dân, một số sản phẩm hỗ trợ chống dịch chậm luân chuyển và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt khiến thị trường nói chung có phần kém thuận lợi hơn trong những tháng đầu năm.

Mặt khác, Báo cáo thị trường việc làm quý II/2024 của JobsGO (nền tảng tuyển dụng & tìm việc làm hàng đầu Việt Nam) ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể về số lượng việc làm ở nhiều ngành nghề. Trong đó, ngành Dược phẩm đứng ngôi á quân với mức tăng 142% so với cùng kỳ năm trước. Ngành Y tế

cũng đạt con số ấn tượng 59%, cho thấy nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe đang ngày càng lớn.

Đến quý III và IV, chứng kiến sự khởi sắc cũng như phân hóa lợi nhuận giữa các doanh nghiệp. VietstockFinance thống kê, trong số 31 công ty ngành dược công bố BCTC quý 3/2024, có 19 cái tên đạt lợi nhuận tăng trưởng (gồm 2 doanh nghiệp chuyển lỗ thành lãi); 12 đơn vị giảm lãi, và chỉ 1 doanh nghiệp thua lỗ.

Kênh phân phối thuốc ở các bệnh viện (ETC) vốn chiếm ưu thế trong doanh thu của ngành, được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì và chứng kiến sự tăng trưởng nhờ chính sách bảo hiểm y tế toàn dân và các quy chế đấu thầu thuốc trong bệnh viện được nới lỏng và thông thoáng hơn, cùng với đó là sự gia tăng nhu cầu về các sản phẩm dược phẩm chuyên biệt, đặc biệt là những loại thuốc hiếm, thuốc sinh học và thuốc điều trị các bệnh hiểm nghèo. Trong khi đó, kênh phân phối qua nhà thuốc (OTC) dù tăng trưởng doanh thu không quá ấn tượng trong 10 tháng qua, cũng được đa số doanh nghiệp kỳ vọng có nhiều chuyển biến tích cực hơn trong năm 2025.

20 năm HÀNH TRÌNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Tiềm năng xen lẫn khó khăn

Ngành dược vẫn được đánh giá là còn tiềm năng tăng trưởng. IQVIA – một trong những đơn vị ngành dược nắm số liệu ngành lớn nhất thế giới – đưa ra nhận định tăng trưởng ngành dược dự báo có tốc độ CAGR 6-8% trong giai đoạn 2023-2028.

Theo Tổng cục Dân số, đến năm 2036, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già, nhóm người trên 65 tuổi có thể chiếm 14% tổng dân số. Trong dài hạn, điều này đồng nghĩa nhu cầu sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng như dược phẩm sẽ gia tăng, cũng là thuận lợi với ngành dược nói chung.

Công ty cổ phần Dược Liệu Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ năm 2024:

- **Doanh thu thuần: 1.579,97 tỷ đồng**
- **Lợi nhuận sau thuế: 47,88 tỷ đồng**
- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu là: 1.119 đồng/cp**

Con đường phía trước còn dài và nhiều thử thách. Nhưng với sự sẻ chia cùng phát triển, chiến lược kinh doanh, quyết định đúng đắn, giải pháp sáng

tạo và kịp thời của Ban lãnh đạo cũng như sự đồng thuận của các cổ đông cùng với tinh thần đoàn kết của toàn thể cán bộ nhân viên, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam sẽ phát triển bền vững trong thị trường Việt Nam và phát triển ra thế giới, bảo toàn vốn cho các Cổ đông của Công ty, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025-2026 và các năm tiếp theo. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm và ủng hộ của Quý vị cổ đông, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã chung sức, đồng lòng cùng chúng tôi hoàn thành kế hoạch trong năm 2024 vừa qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN VĂN CÀI

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế	VIET NAM MEDICINAL MATERIALS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VIETMEC., JSC
Giấy CNĐKDN	0105196582
Vốn điều lệ	427.799.160.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	427.799.160.000 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Địa chỉ văn phòng đại diện	Số 139 Đường Hồng Tiến, P. Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
Số điện thoại	(84-24) 3984 1255
Fax	(84-24) 3668 6891
Website	www.duoclieuvietnam.com.vn
Logo	
Mã cổ phiếu	DVM
Sàn giao dịch	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

“ VIETMEC xây dựng cho mình 5 nguyên tắc không bao giờ thay đổi, là kim chỉ nam cho mọi hành động của Công ty và gọi đó là "5 giá trị cốt lõi" ”



KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe con người nên đối với VietMec, mọi hoạt động của Công ty cũng như các cán bộ nhân viên của Công ty đều vì sứ mệnh “Mang sức khỏe đến với mọi người”.



HÀI HÒA LỢI ÍCH

Lợi ích của VietMec cũng chính là lợi ích của khách hàng, cán bộ nhân viên công ty, đối tác và nhà nước.



TINH THẦN TỰ TÔN DÂN TỘC

Các sản phẩm của VietMec đều mang giá trị Việt Nam với một lòng yêu nước và niềm tin mạnh mẽ vươn ra biển lớn.



ĐỔI MỚI VÀ CHẤT LƯỢNG

Không ngừng trau dồi kiến thức và đầu tư cho hoạt động nghiên cứu để sáng chế ra những sản phẩm mới đạt hiệu quả cao trong việc chăm sóc sức khỏe con người.



TÔN TRỌNG CON NGƯỜI

Mọi quy định, quyết định cư xử của VietMec đều hướng tới xây dựng một môi trường làm việc công bằng, dân chủ, tôn trọng con người, nhằm thúc đẩy sự tin yêu và tinh thần gắn kết của cán bộ nhân viên đối với Công ty.

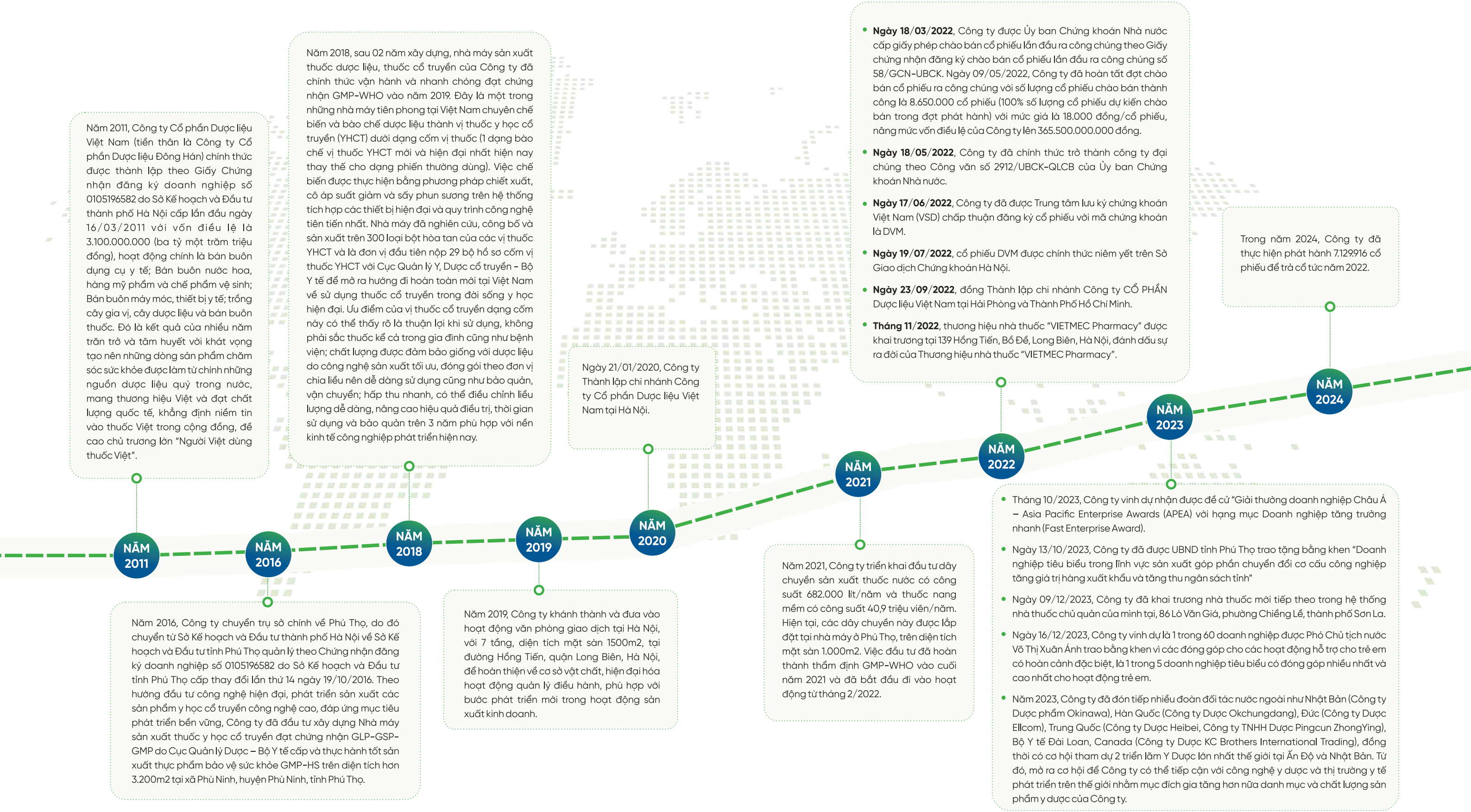
TÂM NHÌN

“ Trở thành công ty chuyên sản xuất các sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ nguồn nguyên liệu quý trong nước; Xây dựng thành công thương hiệu VIETMEC nổi tiếng và tin cậy, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. ”

SỨ MỆNH

“ Mang sức khỏe đến với mọi người. Gìn giữ và bảo tồn giá trị y học cổ truyền, kết hợp tinh hoa cổ truyền trên nền khoa học – công nghệ hiện đại vì sức khỏe con người. ”

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY BAO GỒM



KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM DƯỢC LIỆU DO CÔNG TY TỰ SẢN XUẤT

Các sản phẩm dược liệu do Công ty tự sản xuất có thể được chia thành 03 nhóm sản phẩm chính: (01) nhóm dược liệu sau sơ chế, (2) nhóm các sản phẩm cao dược liệu và (3) nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe.



DỊCH VỤ GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM
CAO DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM BẢO VỆ
SỨC KHỎE

Công ty cung cấp dịch vụ gia công trong chiết xuất cao dược liệu và sản phẩm bảo vệ sức khỏe cho các đơn vị khác. Tùy theo nhu cầu đặt hàng của từng đối tượng mà Công ty sẽ sử dụng nguồn nguyên vật liệu của Công ty hay nguồn nguyên vật liệu do chính khách hàng cung cấp, thực hiện sản xuất trên các dây chuyền và công nghệ sẵn có tạo ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng đồng thời tuân thủ đúng quy trình sản xuất của Công ty.



KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM TÂN DƯỢC,
CÁC THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ TIÊU HAO
TRONG NGÀNH Y

Ngoài các mặt hàng chủ đạo là các sản phẩm từ dược liệu, Công ty còn đẩy mạnh hoạt động nhập khẩu đồng thời tìm kiếm thu mua đối với các mặt hàng tân dược, các thiết bị y tế, vật tư tiêu hao trong ngành y từ các đối tác có sản phẩm chất lượng, đạt tiêu chuẩn để phục vụ mục đích thương mại cho các kênh phân phối của Công ty.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam đặt trụ sở chính tại Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ; xây dựng hệ thống bán hàng rộng khắp Bắc, Trung, Nam với 03 chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng, Thành Phố Hồ Chí Minh. Công ty đã và đang triển khai hệ thống bán hàng khối thầu, khối nhà thuốc, khối OTC với các trình dược viên, các đối tác liên kết có mặt rất nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Cho đến thời điểm cuối năm 2024, hệ thống phân phối của Công ty bao gồm 19 nhà thuốc, cung cấp sản phẩm dược và thuốc cho các bệnh viện nổi tiếng như Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

03 CHI NHÁNH

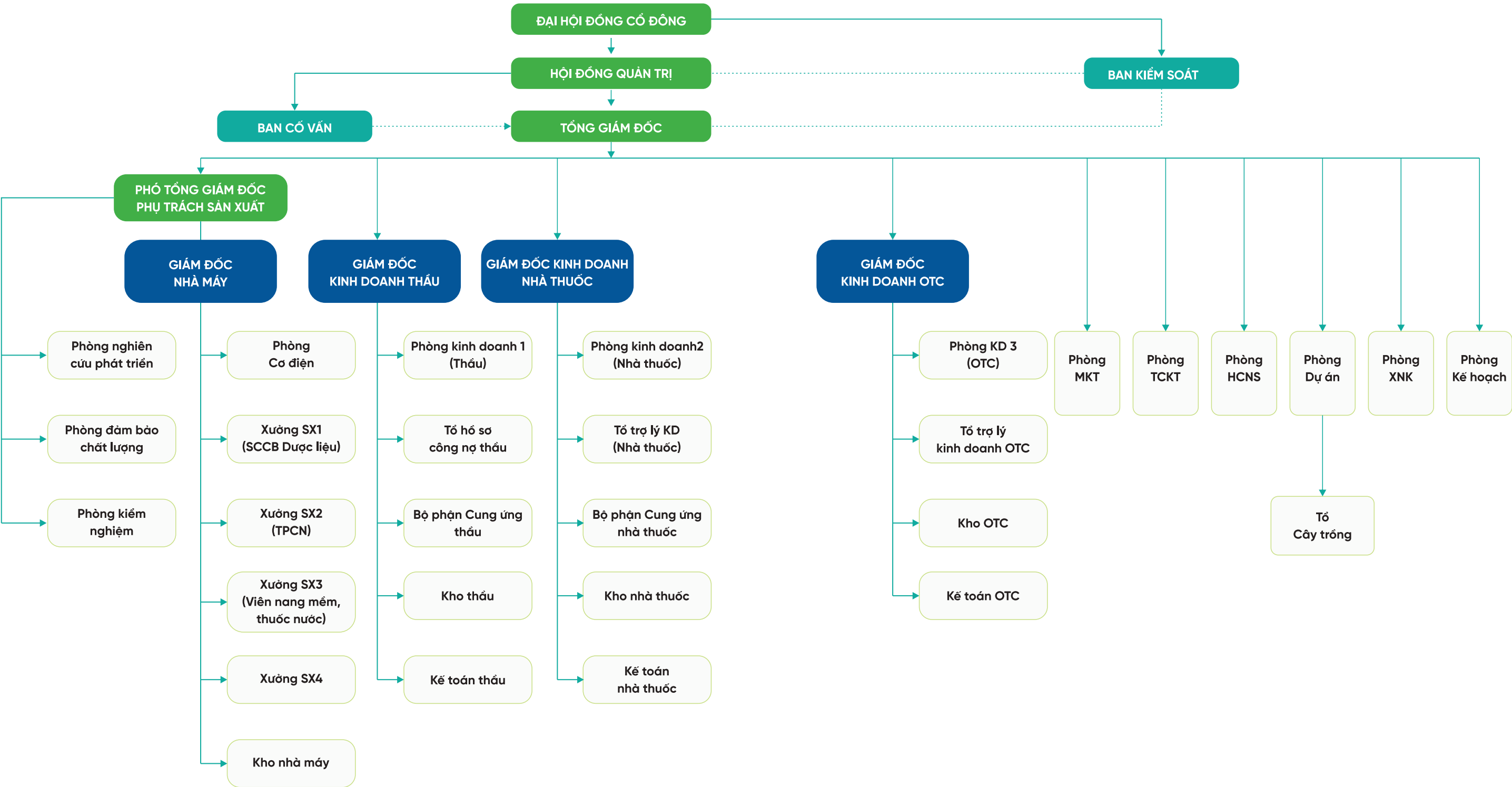
- HÀ NỘI
- HẢI PHÒNG
- TP. HỒ CHÍ MINH

BẮC
TRUNG
NAM

19
NHÀ THUỐC

3. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN CẢI
Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân luật/Dược sỹ cao đẳng

Chức vụ hiện nay:
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:
Không có

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

1979 – 1990
Nhân viên tại Xí nghiệp Dược Cửu Long

1991 – 1994
Nhân viên tại Chi nhánh Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội

1994 – 1997
Phó Giám đốc tại Chi nhánh Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội

1998 – 2020
Giám đốc tại Chi nhánh Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội

01/2021 – 06/2021
Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Dược liệu Việt Nam

07/2021 – nay
Chủ tịch HĐQT tại CTCP Dược liệu Việt Nam



Ông VŨ THÀNH TRUNG
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay:
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:
8.580.000 cổ phiếu (20,06% cổ phần)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

2004 – 2014
Nhân viên kinh doanh tại CTCP Dược Trung Ương Mediplantex

2011 – 2014
Giám đốc tại CTCP Dược liệu Việt Nam

2015 – 06/2021
Chủ tịch HĐQT kiêm TGD tại CTCP Dược liệu Việt Nam

07/2021 – nay
Thành viên HĐQT kiêm TGD tại CTCP Dược liệu Việt Nam



Bà NGUYỄN THỊ HÀ
Thành viên HĐQT độc lập

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân ngân hàng tài chính

Chức vụ hiện nay:
Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần chiết suất dược liệu Amera

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:
50.000 cổ phiếu (0,14%)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

07/2020 – nay
Công ty cổ phần chiết xuất dược liệu Amera

03/2022 – nay
Ngân hàng đầu tư CTCP Chứng khoán Rồng Việt chi nhánh Hà Nội

05/2024 – nay
Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN DIỆP KHÁNH LINH
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế luật
Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu (0 % cổ phần)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

2019 – 2021
Chuyên viên quan hệ khách hàng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong
2021 – 2023
Chuyên viên Đầu tư tại Công ty CP Casla
2023 - 2024
Chuyên viên Quan hệ cổ đông tại Công ty cổ phần Dược Liệu Việt Nam
05/2024 – nay
Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam



Ông BUI CÔNG TUẤN
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 109 cổ phiếu (0.0003% cổ phần)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

03/2019 – 05/2024
Phó phòng NCPT Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam
05/2024 – nay
Thành viên ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam



Bà ĐẶNG THỊ KHÁNH NGÂN
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
Chức vụ hiện nay: Thành viên ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu (0 % cổ phần)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

02/2014 – 06/2019
Dược sỹ Công ty cổ phần trung tâm Y khoa Việt Đức
08/2019 – 08/2020
Nhân viên CTCP Xây Lắp và Thương mại Thiên Phú
09/2020 – 05/2024
Nhân viên Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam
05/2024 – nay
Thành viên ban Kiểm soát Công ty Dược liệu Việt Nam

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông VŨ THÀNH TRUNG
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 8.580.000 cổ phiếu (20,06% cổ phần)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

2004 – 2014
Nhân viên kinh doanh tại CTCP Dược Trung Ương Mediplantex
2011 – 2014
Giám đốc tại CTCP Dược liệu Việt Nam
2015 – 06/2021
Chủ tịch HĐQT kiêm TGD tại CTCP Dược liệu Việt Nam
07/2021 – nay
Thành viên HĐQT kiêm TGD tại CTCP Dược liệu Việt Nam



Ông NGUYỄN MẠNH THẮNG
Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng
Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu (0 % cổ phần)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

2023-nay
Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
2022-2023
Công ty Luật Timelaw
2021-2022
GD kinh doanh -Tập đoàn Kim Nam
2020-2021
Chuyên viên Shinhanfinance
2018-2020
GD tài chính Công ty CP ĐT TM DV Hải Lợi
2006-2018
Cán bộ Agribank

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện nay, Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam không có công ty con và có 01 công ty liên kết với thông tin như sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA DVM
Công ty Cổ phần VIBFA	Hà Nội	Phôi phối sản phẩm	50.000.000.000	40,00%

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Trở thành một trong những công ty phát triển vững mạnh toàn diện trong lĩnh vực Dược phẩm và lọt vào top 10 công ty sản xuất dược phẩm uy tín tại Việt Nam trong tương lai.

Trở thành công ty đi đầu trong lĩnh vực Thuốc YHCT (dạng cốm vị thuốc YHCT) vào hệ thống thuốc Bảo hiểm của Việt Nam.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Nâng cao năng lực sản xuất, vận hành tối ưu hiệu quả sản xuất các dây chuyền nhà máy GMP-WHO: Dây chuyền sản xuất cốm vị thuốc YHCT; Dây chuyền sản xuất viên đặt; Dây chuyền sản xuất thuốc nước và nang mềm và các dây chuyền sản xuất mới đang được công ty đầu tư và đi vào hoạt động.

Đầu tư và phát triển thương hiệu nhà thuốc Vietmec Pharmacy lớn mạnh và bao phủ toàn thị trường 63 tỉnh thành của Việt Nam.

Tuyển dụng nhân sự có trình độ cao, đào tạo phát triển nhân tài.

Đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, tài chính được công khai, minh bạch.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Liên tục cải tiến và đổi mới kỹ thuật sản xuất, củng cố năng lực quản trị và quản lý kinh doanh, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro... để tăng năng lực cạnh tranh và phát triển trên thị trường.

Mở rộng sản xuất kinh doanh góp phần tạo thêm nhiều việc làm cho lao động địa phương.

Tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương: quyên góp, tài trợ các chương trình, các hoạt động thiện nguyện để xây dựng xã hội văn minh, giàu đẹp.

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng như điện, nước, chất đốt... trong quá trình vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, bảo vệ cảnh quan trong và ngoài công ty.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Cải tiến quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra, kiểm soát chất lượng chặt chẽ theo đúng quy định của công ty và đảm bảo hệ thống tiêu chuẩn của Bộ Y tế, nâng cao tay nghề, trình độ của CBNV để nâng cao chất lượng sản phẩm, giá thành giảm, lợi nhuận tăng.

Tập trung nghiên cứu và đăng ký thành công số thuốc cốm vị thuốc YHCT cũng như nghiên cứu chính sách, quy định của pháp luật liên quan để đưa được Cốm vị thuốc YHCT vào hệ thống khám chữa bệnh trong các bệnh viện, phòng khám của Việt Nam được ghi nhận trên hệ thống thuốc bảo hiểm.

Tập trung đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư, dịch tiêm truyền và nghiên cứu các sản phẩm thuốc đặc trị để dây chuyền sản xuất đạt hiệu quả cao khi được cấp phép và đi vào hoạt động.

Phát triển các vùng trồng nguyên liệu Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP, mở rộng mạng lưới các đối tác trong và ngoài nước để chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo nguồn cung đầu vào không bị đứt gãy cũng như việc phát triển mạng lưới xuất khẩu ra nước ngoài.

Phát triển lớn mạnh mạng lưới bán hàng trong nước và mở rộng thị trường ra nước ngoài.

Nghiên cứu và tung ra sản phẩm chiến lược của VIETMEC để phủ sóng ra thị trường ghi nhận thương hiệu VIETMEC.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn, kỹ thuật cao.

Sử dụng phần mềm hệ thống để quản trị doanh nghiệp.

Luôn ý thức được việc **"Vi sức khỏe người tiêu dùng"**.



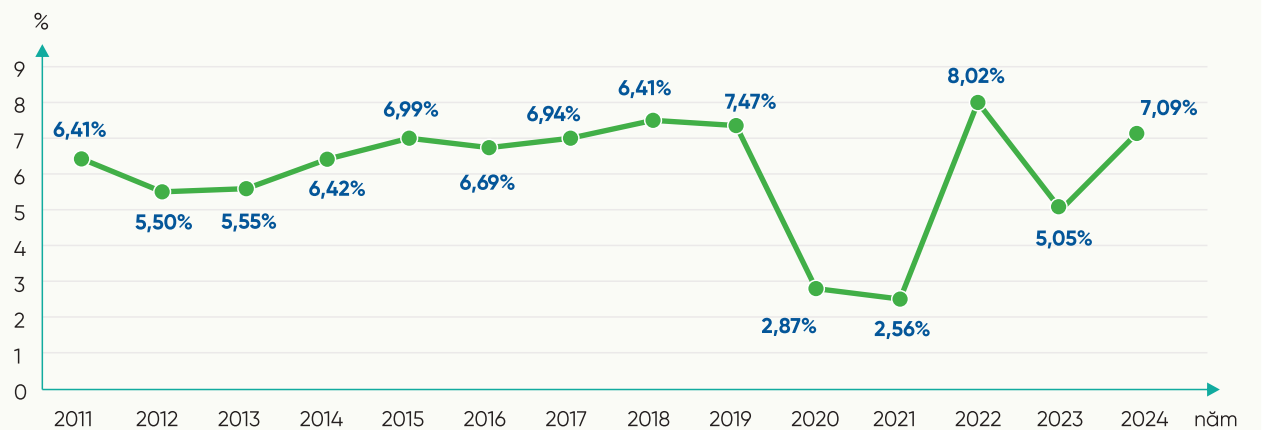
5. CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Trong năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức do áp lực lạm phát, sự suy giảm trong tổng cầu, và những bất ổn kinh tế toàn cầu. Tuy vậy Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, trong năm 2024, GDP của Việt Nam ước đạt 476,3 tỷ USD, tăng trưởng 7,09% so với năm 2023, vượt mục tiêu 6,5-7% do Quốc hội đặt ra. GDP bình quân đầu người năm 2024 ước đạt 4.622,5 USD/người. Mức tăng trưởng này cao hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam sau những thách thức toàn cầu.

Với sản phẩm chủ lực của Công ty là các sản phẩm cao được liệu chăm sóc sức khỏe, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân và mức độ chi tiêu của người dân. Dự báo trong năm 2024, Việt Nam tiếp tục phải đối diện với áp lực lạm phát, làm chậm lại tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung. Vì vậy, Công ty luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho ban điều hành xu hướng trong tương lai và những tác động kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2011 - 2024



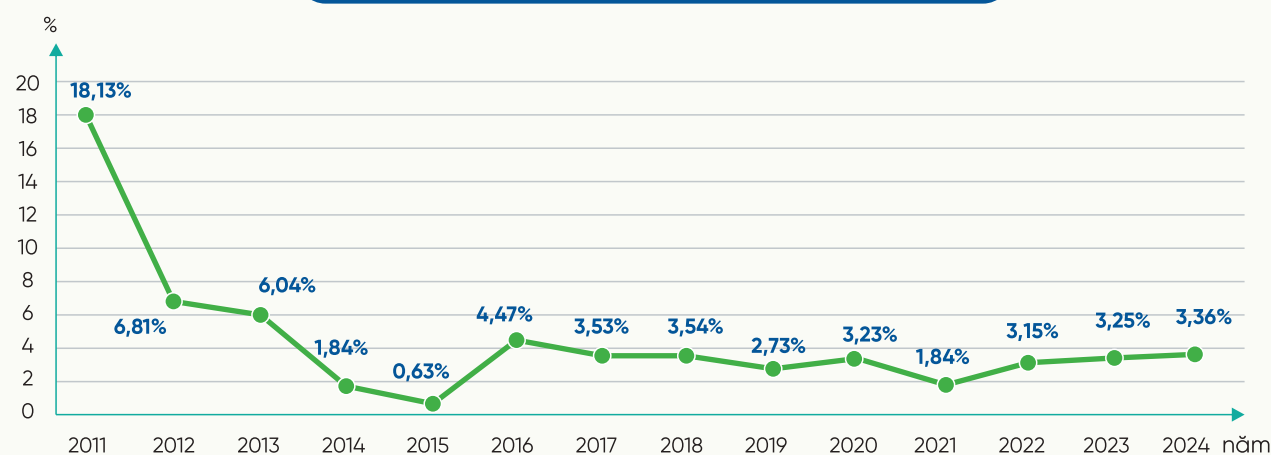
Nguồn: Tổng cục Thống kê



RỦI RO LẠM PHÁT

Năm 2024 dự báo sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức khi các rủi ro bất ổn chính trị trên toàn cầu vẫn còn hiện hữu. Việc nhiều ngân hàng trung ương lớn có thể hạ lãi suất quá sớm tiềm ẩn nguy cơ làm gia tăng lạm phát trên toàn thế giới.

TỶ LỆ LẠM PHÁT CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 – 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tại Việt Nam, mặc dù Chính phủ đã nỗ lực kiểm soát lạm phát trong năm 2024, dự báo năm 2025 áp lực lạm phát sẽ tăng lên, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và giá cả hàng hóa. Đặc biệt, với ngành dược phẩm, sự phụ thuộc khoảng 90% vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài khiến chi phí sản xuất dễ bị tác động bởi biến động giá nguyên liệu trên thị trường quốc tế.

Điều này có thể làm tăng giá thành sản phẩm đầu ra của Công ty, từ đó ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, khi lạm phát trong nước tăng cao, người tiêu dùng có xu hướng thắt chặt chi tiêu, đặc biệt đối với các sản phẩm không thiết yếu như dược phẩm chăm sóc sức khỏe. Sự suy giảm nhu cầu này sẽ gây áp lực lớn lên doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Do đó, lạm phát tiếp tục là một chỉ số vĩ mô mà Công ty cần theo dõi sát sao. Việc đưa ra các điều chỉnh kịp thời trong hoạt động sản xuất, quản lý chi phí và chiến lược kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc ứng phó với những thách thức này và đảm bảo sự ổn định, phát triển trong bối cảnh kinh tế khó khăn.



RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Lãi suất là một biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất có thể tác động lớn đến hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với doanh nghiệp, rủi ro lãi suất xuất hiện khi chi phí đi vay vượt quá khả năng tạo lợi nhuận, và mức độ rủi ro này phụ thuộc vào cơ cấu nợ vay của từng ngành. Trong năm 2024, mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể duy trì chính sách tiền tệ hỗ trợ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng áp lực lạm phát toàn cầu và những bất ổn kinh tế có thể dẫn đến nguy cơ lãi suất tăng trở lại.

Đối với công ty dược phẩm, việc tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý vẫn là yếu tố quan trọng để triển khai các dự án mở rộng sản xuất và phát triển kênh phân phối. Tuy nhiên, sự biến động lãi suất có thể làm gia tăng chi phí tài chính, gây áp lực lên lợi nhuận của Công ty. Do đó, để giảm thiểu rủi ro từ lãi suất, ban lãnh đạo đang nghiên cứu các phương án huy động vốn thay thế, chẳng hạn như phát hành cổ phiếu hoặc hợp tác đầu tư chiến lược, nhằm đảm bảo sự ổn định tài chính và tăng trưởng bền vững.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro pháp luật liên quan đến các thay đổi trong hệ thống văn bản pháp luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty. Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty được phẩm đều chịu sự điều chỉnh bởi các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Dược, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, và các quy định liên quan đến an toàn, chất lượng sản phẩm. Năm 2024, dự kiến hệ thống văn bản pháp luật sẽ tiếp tục có những điều chỉnh nhằm đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế và ngành y tế, điều này có thể tạo ra những thách thức trong việc đảm bảo tính tuân thủ của Công ty.

Việc không kịp thời cập nhật hoặc chuẩn bị đầy đủ để thích nghi với các thay đổi pháp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, phân phối và các dự án đầu tư của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty duy trì một bộ phận pháp lý chuyên trách nhằm theo dõi, cập nhật và đánh giá các thay đổi pháp luật. Ngoài ra, Công ty cũng tập trung đào tạo đội ngũ nhân sự am hiểu pháp luật và hợp tác với các đơn vị tư vấn pháp lý chuyên nghiệp để đảm bảo quản trị doanh nghiệp và các dự án đầu tư luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển bền vững.



RỦI RO VỀ ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu, đặc biệt là dược liệu, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm của Công ty. Do đó, sự biến động về giá nguyên vật liệu sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến lợi nhuận khi giá bán sản phẩm không thể điều chỉnh kịp thời. Với đặc thù ngành dược phẩm, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 70%-80% tổng chi phí và khoảng 60% doanh thu. Hiện nay, Công ty vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, dẫn đến rủi ro lớn khi giá cả biến động do tình hình kinh tế toàn cầu, lạm phát và biến động tỷ giá trong năm 2024. Trong khi đó, giá bán các sản phẩm dược liệu và thực phẩm bảo vệ sức khỏe thường bị ràng buộc bởi các chính sách bình ổn giá và mục tiêu xã hội, khiến việc điều chỉnh giá bán theo chi phí sản xuất gặp nhiều hạn chế, từ đó có thể ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.



RỦI RO HÀNG NHÁI, HÀNG KÉM CHẤT LƯỢNG

Tình trạng hàng nhái, hàng kém chất lượng, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đang ngày càng phổ biến trong lĩnh vực dược phẩm. Một số sản phẩm của Công ty, sau nhiều năm xây dựng uy tín trên thị trường, đã trở thành mục tiêu sao chép công thức và sản xuất hàng giả. Vấn nạn này có thể gây tổn hại đến thương hiệu, uy tín và lòng tin của người tiêu dùng, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã tăng cường đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm và triển khai sử dụng tem chống hàng giả trên toàn bộ các dòng sản phẩm, góp phần bảo vệ thương hiệu và khách hàng.

RỦI RO NGUỒN CUNG VÀ CHẤT LƯỢNG NGUYÊN LIỆU

Nguồn cung dược liệu là yếu tố cốt lõi đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nguyên liệu nhập khẩu cần có giấy chứng nhận nguồn gốc và chất lượng (CO-CQ), nhưng rủi ro từ chính sách xuất nhập khẩu, quy định pháp luật nước sở tại, hoặc thay đổi từ nhà cung cấp có thể làm gián đoạn nguồn cung ứng. Đối với nguyên liệu trong nước, các yếu tố như tính mùa vụ, điều kiện khí hậu, và phương pháp nuôi trồng, chế biến cũng tạo ra rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng. Điều này buộc Công ty phải tăng cường phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, vốn thường đi kèm rủi ro về giá cả biến động mạnh.



RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất...), dịch bệnh trên quy mô lớn, mặc dù có xác suất xảy ra thấp nhưng nếu xảy ra, sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hiện tượng này có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến sản xuất và phân phối sản phẩm. Để giảm thiểu tác động của các rủi ro này, Công ty luôn theo dõi sát sao tình hình thời tiết, dịch bệnh và nhanh chóng thực hiện các biện pháp phòng ngừa khi cần thiết. Đồng thời, Công ty đã mua bảo hiểm cho toàn bộ máy móc và tài sản cố định tại các nhà máy sản xuất dược liệu, nhằm giảm thiểu tổn thất tài chính nếu xảy ra sự cố bất khả kháng.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách quản lý rủi ro của Công ty được xây dựng nhằm hỗ trợ đạt được các mục tiêu chiến lược, đồng thời đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh diễn ra hiệu quả và bền vững. Hội đồng quản trị giữ vai trò chủ chốt trong việc xây dựng và giám sát các chính sách quản trị rủi ro, đồng thời định hướng cho các bộ phận chuyên môn thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong việc xác định, đánh giá, và ứng phó với rủi ro.

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì và nâng cao vai trò của các bộ phận chuyên môn trong việc thu thập dữ liệu, phân tích thông tin và đánh giá rủi ro trên từng khía cạnh cạnh hoạt động. Những phương án phòng ngừa rủi ro hiệu quả và kịp thời được đề xuất nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực lên hoạt động kinh doanh. Công ty cũng chú trọng việc tổ chức các buổi đào tạo định kỳ để nâng cao nhận thức và kỹ năng về quản lý rủi ro cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự tuân thủ chặt chẽ trong toàn tổ chức.

Hội đồng quản trị cam kết thường xuyên cập nhật và điều chỉnh chính sách quản trị rủi ro để phù hợp với tình hình thị trường và các yêu cầu pháp lý. Ngoài việc giám sát hoạt động hàng ngày, Hội đồng quản trị cũng thực hiện các biện pháp khắc phục và chế tài nghiêm ngặt đối với các trường hợp vi phạm, đặc biệt là tại các khâu trọng yếu như sản xuất. Việc này nhằm hạn chế tối đa rủi ro tiềm ẩn từ các sự cố như cháy nổ, hỏng hóc thiết bị hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng, đảm bảo duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023	NĂM 2024	
			Giá trị	Thay đổi (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.532,92	1.634,570	6,63%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	688,67	736,55	6,95%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.481,72	1.579,97	6,63%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	43,16	47,88	10,92%
EPS	Đồng/CP	1.211	1.119	-

Tại thời điểm cuối năm 2023, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty đều chứng kiến mức tăng trưởng lần lượt là 6,63% và 6,95%. Doanh thu thuần của Công ty cũng phục hồi ổn định, đạt mức 1.579,97 tỷ đồng trong năm 2024, tăng 6,63% so với năm 2023. Theo đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng mạnh, đạt mức 47,88 tỷ đồng, tăng 10,92% so với năm 2023. Nguyên nhân là do năm 2024 Công ty đã tăng cường bán hàng tồn kho và thực hiện cơ cấu lại cơ chế bán hàng, từ đó giúp giảm thiểu các loại chi phí bán hàng.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm được triển khai thực hiện thường xuyên liên tục: 100% nguyên vật liệu khi nhập kho đều được lấy mẫu, kiểm tra và chỉ những nguyên vật liệu đạt chuẩn mới được xem xét tiến hành nhập kho đưa vào sản xuất; 100% thành phẩm sản xuất được kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn đã đăng ký, kết quả kiểm tra đạt yêu cầu về chất lượng mới được xuất xưởng.

Trong năm 2024, nhà máy GMP WHO đã thực hiện sơ chế chế biến 2.300 tấn dược liệu; chiết suất 110,2 tấn cao; sản xuất 7 triệu gói cốm/vị thuốc YHCT.... Điều này đã thể hiện được công suất sản xuất lớn mà nhà máy của Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam (VIETMEC) có thể đáp ứng được hàng năm và còn nâng cao hơn nữa theo yêu cầu của khách hàng.

Việc làm cho người lao động tại nhà máy được sắp xếp hợp lý, các phân xưởng sản xuất tổ chức làm thêm giờ tùy tình hình sản xuất thực tế tại mỗi thời điểm để đáp ứng nhu cầu hàng hóa cho kinh doanh;

Nhà máy cũng bố trí người lao động tham gia đầy đủ các buổi đào tạo GMP, các SOP và đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; đặc biệt là chú trọng đào tạo vận hành thiết bị cho công nhân tại các vị trí sản xuất đảm bảo có đủ nhân sự thay thế khi có nhân sự nghỉ việc.



HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Công tác nghiên cứu, phát triển, đăng ký sản phẩm vẫn luôn là lĩnh vực được Công ty ưu tiên hàng đầu với mục tiêu không ngừng cải tiến, nâng cao năng lực và cung cấp ra thị trường những sản phẩm có chất lượng cao nhất.

Ngoài ra, các hồ sơ sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, các sản phẩm thuốc Y học cổ truyền theo hợp đồng gia công với các đơn vị đối tác; Công ty đã nghiên cứu thành công 646 các sản phẩm là cao khô, cốm vị thuốc, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vị thuốc YHCT, sữa.... Tại Sở Y tế Phú Thọ, Công ty đã tự công bố và công bố cho 337 sản phẩm. Tại Cục ATTP; Cục YDCT; Cục Quản lý dược, Công ty đã đăng ký 563 sản phẩm và hiện đã được phê duyệt 265 sản phẩm, các sản phẩm còn lại đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục đăng ký.

STT	LOẠI SẢN PHẨM	CÔNG BỐ TẠI SYT PHÚ THỌ			ĐĂNG KÝ TẠI CÁC CỤC				
		TỰ CÔNG BỐ	CÔNG BỐ	CỘNG	ĐĂNG KÝ				PHÊ DUYỆT
					CỤC ATTP	CỤC YDCT	CỤC QL DƯỢC	CỘNG	
1	Vị thuốc YHCT					208		208	163
2	Cao khô	170		170			15	15	-
3	Cốm vị thuốc YHCT	150		150		189		189	4
4	Thực phẩm BVSK				95			95	93
5	Thuốc dược liệu (đồng dược)						19	19	-
6	Thuốc cổ truyền						37	37	5
7	Sữa		5	5					
8	Thực phẩm	12		12					
	Cộng	332	5	337	95	397	71	563	265



MỘT SỐ SỐ ĐỀ TÀI KHOA HỌC PHÒNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN 2024:

“

Nghiên cứu quan sát, nhãn mô, có nhóm chứng đánh giá tính hiệu quả và an toàn của phương pháp ứng dụng cốm vị thuốc trong điều trị bệnh nhân bằng thuốc Y học cổ truyền theo công thức được kê đơn

Đơn vị phối hợp
Viện Y dược học dân tộc

”

Dự án:
Sản xuất viên nang chứa collagen từ vây cá và dầu giàu omega-3,6,9 từ hạt cây sachi (plukenetia volubilis)

Đơn vị phối hợp
Viện Kỹ thuật nhiệt đới (VIỆN HÀN LÂM KHCNVN)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KH 2024	TH 2024	TH 2024/KH 2024 (%)
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.200	1.579,97	131,66%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	59,7	55,40	92,80%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	49,5	47,88	96,73%

So với kế hoạch năm 2024 đề ra doanh thu đạt 1.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 49,5 tỷ đồng, hết năm 2024, Công ty đã hoàn thành vượt mức 131,66% kế hoạch doanh thu và hoàn thành được 96,73% kế hoạch lợi nhuận đã đề ra. Nguyên nhân chính là do công ty đã thực hiện tái cơ cấu cơ chế bán hàng dẫn đến sự giảm mạnh trong tổng chi phí bán hàng từ mức 25,67 tỷ trong năm 2023 xuống còn 11,25 tỷ trong năm 2024, tương đương mức giảm 56,17%. Ngoài ra, việc quản lý hiệu quả các khoản vay cũng góp phần giúp chi phí tài chính của Công ty trong năm 2024 cũng đã giảm 20,6% so với năm 2023.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Công ty bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, thực hiện các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

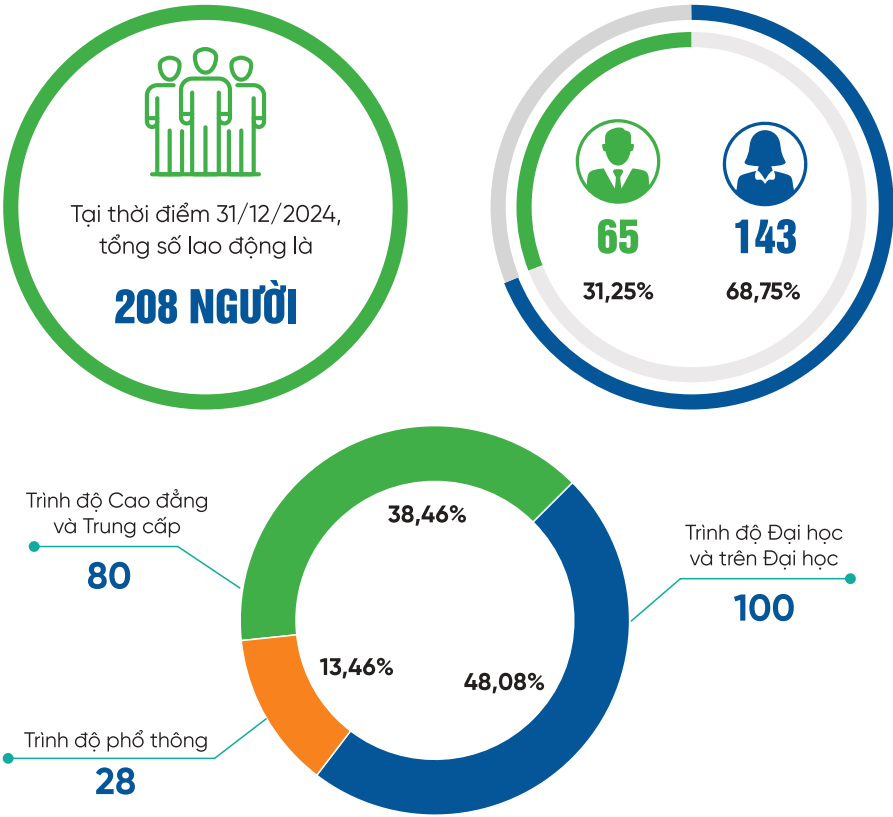
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Vũ Thành Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Mạnh Thắng	Kế toán trưởng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG NĂM SINH	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	NGÀY BỎ NHIỆM/MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH
1	Bà Đoàn Thị Thu Hoài	01/11/1980	Cử nhân kinh tế	Miễn nhiệm ngày 10/05/2024
2	Ông Trần Bình Duyên		Dược sỹ CK II	Miễn nhiệm ngày 10/05/2024

CƠ CẤU NHÂN SỰ

(Nguồn: CTCP Dược liệu Việt Nam)



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHẾ ĐỘ
LÀM VIỆC

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày và 48h/tuần, nghỉ trưa 1h, đối với các trường hợp người lao động làm việc bình thường.

–Đối với công nhân trực tiếp sản xuất tại nhà máy tổ chức chế độ ngày làm việc 3 ca, mỗi ca tối đa 8h và được nghỉ ít nhất 12h đồng hồ. Công ty tổ chức làm đủ 3 ca hoặc giảm bớt số ca làm việc tùy vào tình hình thực tế mỗi thời điểm đồng thời tuân thủ thời gian làm việc nghỉ ngơi theo quy định của nhà nước đối với các trường hợp người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại.

Thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ phép, nghỉ lễ đảm bảo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện để làm việc như đồ bảo hộ, máy móc, thiết bị...

CHÍNH SÁCH
TUYỂN DỤNG,
ĐÀO TẠO

Công ty có chính sách tuyển dụng riêng đối với người lao động trong từng lĩnh vực (nhân viên văn phòng, công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý...).

Trong quá trình làm việc, người lao động được hướng dẫn đào tạo kiến thức chuyên môn để nâng cao tay nghề.

Nhân sự mới được đào tạo văn hóa công ty, kiến thức an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, kiến thức GMP (đối với công nhân) trước khi vào làm việc.

Công ty cũng thường xuyên phối hợp tuyển sinh, tuyển dụng trong các lĩnh vực thông qua hình thức tài trợ học bổng cho sinh viên; hợp tác với các trường đại học, cao đẳng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ để tìm kiếm nhân sự chất lượng cao.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG,
THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ
BẢO HIỂM XÃ HỘI

Công ty có hệ thống lương, thưởng, đóng bảo hiểm, phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động phù hợp; theo quy định hiện hành của nhà nước gắn với tiêu chí đánh giá hiệu quả công khai, minh bạch.

Hàng quý đều đánh giá xếp loại nhân viên để có hình thức khen thưởng kịp thời; các ngày lễ, tết người lao động đều được thưởng tùy vào tình hình kinh doanh tại mỗi thời điểm. Cuối năm, thành lập hội đồng khen thưởng để thực hiện chính sách thưởng cả năm theo tiêu chí bình bầu A+, A, B, C đảm bảo công bằng cho người lao động.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT DƯỢC LIỆU



Thông tin nhà máy	: GMP-WHO VIETMEC
Địa chỉ	: Khu 8 xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ;
Quy mô	: 3 ha
Tổng vốn đầu tư	: 550 tỷ đồng
Thời gian	: Đã hoàn thiện Giai đoạn 1, 2, 3
Tiến độ dự án	: Giai đoạn 4 đang đầu tư

TRANG TRẠI TRỒNG DƯỢC LIỆU

Mục tiêu phát triển các vùng trồng cây dược liệu của Công ty nhằm đảm bảo sự ổn định của nguồn cung nguyên vật liệu cả về giá cả, chất lượng và số lượng. Ngoài mục tiêu vùng trồng ở tỉnh Phú Thọ, Công ty dự kiến sẽ kiểm nghiệm độ hiệu quả và có kế hoạch phát triển các vùng trồng khác tại các vùng lân cận.

Thông tin dự án	: Trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ
Địa chỉ	: tỉnh Phú Thọ
Quy mô	: 86Ha
Tổng vốn đầu tư	: 100 tỷ đồng
Thời gian	: Dự kiến hoàn thiện vào năm 2026
Tiến độ dự án	: Đang trong giai đoạn hoàn thiện

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất xây dựng toàn bộ hệ thống cơ sở của nhà máy sản xuất dược liệu tại Phú Thọ với tổng vốn đầu tư hơn 400 tỷ đồng. Bên cạnh đó, dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ đang dần được hoàn thiện và dự kiến sẽ đi vào khai thác trong năm 2026.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY LIÊN KẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN VIBFA	Doanh thu 134.508.524.933	Lợi nhuận sau thuế 332.040.917
--	-------------------------------------	--

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023	NĂM 2024	TĂNG/GIẢM CỦA NĂM 2024 SO VỚI NĂM 2023 (%)
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.532,92	1.634,570	6,63%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.481,72	1.579,97	6,63%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	48,99	57,82	18,01%
Lợi nhuận (Lỗ) khác	Tỷ đồng	0,50	(2,414)	-
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	49,50	55,40	11,93%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	43,16	47,88	10,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	Tỷ đồng	10%	00	-

Tổng tài sản năm 2024 của Công ty tăng trưởng 6,63% so với năm trước, chủ yếu gia tăng về các khoản phải thu ngắn hạn, tài sản cố định vô hình và đầu tư tài chính ngắn hạn. Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm các khoản công nợ từ khách hàng tổ chức như doanh nghiệp, bệnh viện đặt hàng từ Công ty. Do đặc thù ngành, các đơn vị này sẽ thực hiện thanh toán theo từng đợt.

Năm 2024 chứng kiến sự tăng trưởng tích cực đối với doanh thu thuần khi khoản mục này tăng trưởng 6,63% so với năm trước, đạt 1.579,97 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã được cải thiện đáng kể, tăng 18,01% so với năm 2023, đạt gần 57,82 tỷ đồng trong năm 2024. Nguyên nhân đến từ sự giảm mạnh của các khoản chi phí tài chính và chi phí bán hàng của Công ty trong năm 2024.

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo đó cũng tăng 10,92%, đạt hơn 47,88 tỷ đồng.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023	NĂM 2024
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,03	1,08
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,74	0,81

Khả năng thanh toán của DVM tăng nhẹ so với năm 2023 đạt mức 1,08 lần, đảm bảo an toàn khi chỉ số về hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn duy trì trên 1, cho thấy Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ cho các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Hai hệ số thanh toán tăng chủ yếu do mức tăng của các khoản phải thu ngắn hạn, từ mức gần 390,4 tỷ đồng trong năm 2023 lên 498,3 tỷ đồng trong năm 2024. Đây đều là các khoản phải thu ngắn hạn từ Ngân hàng và tổ chức cho thuê tài chính nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động của Công ty trong năm.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023	NĂM 2024
Tổng nợ/Tổng tài sản	lần	0,55	0,55
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,23	1,22

Trong năm 2024, chỉ số Tổng nợ/Tổng tài sản của Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định 0,55 và chỉ số Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ đạt mức 1,22 cho thấy khả năng cơ cấu vốn tương đối an toàn của DVM so với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Việc duy trì các khoản nợ ở mức tương đối ổn định và an toàn giúp DVM có được khả năng tiếp cận các nguồn vốn khác một cách hiệu quả để tài trợ cho các dự án vườn trồng dược liệu dài hạn của mình.



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023	NĂM 2024
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	5,09	6,14
Vòng quay tổng tài sản	vòng	1,02	1,00

Tuy vòng quay tổng tài sản của DVM trong năm 2024 có sự giảm nhẹ từ 1,02 vòng xuống còn 1,00 vòng nhưng vòng quay hàng tồn kho vẫn thể hiện mức tăng rõ rệt từ 5,09 vòng lên 6,12 vòng. Việc tăng trưởng vòng quay hàng tồn kho thể hiện mức cải thiện tương đối tốt đối với hoạt động kinh doanh được liệu khi khả năng bán hàng nhanh và tiến ít bị đọng vốn tại hàng tồn kho. Đối với một doanh nghiệp sản xuất và phân phối được liệu trực tiếp như DVM, việc các chỉ số này cải thiện được đánh giá là tín hiệu tích cực trong khâu quản trị hàng tồn và khả năng bán hàng của doanh nghiệp.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023	NĂM 2024
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	2,91	3,03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	6,46	6,72
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,98	3,02
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,31	3,66

Trong năm 2024, Công ty thực hiện tái cơ cấu hệ thống bán hàng và tối ưu hoá việc quản lý tài chính nên các chi phí bán hàng và chi phí tài chính của DVM được giảm đáng kể, dẫn đến lợi nhuận sau thuế gia tăng và các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đã được cải thiện. Theo đó, chỉ số ROS, ROE và ROA của DVM trong năm 2024 đã có sự phục hồi, lần lượt đạt 3,03%, 6,72% và 3,02%. DVM đang có chiến lược trung và dài hạn trong việc tự chủ nguồn cung được liệu thô nhằm hạn chế tối đa sự biến động của giá cả đầu vào. Cộng thêm việc nền kinh tế sẽ bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, DVM kỳ vọng trong các năm tiếp theo khả năng sinh lời của doanh nghiệp sẽ tiếp tục được cải thiện và đảm bảo khả năng tăng trưởng tốt trong dài hạn.



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	42.779.916 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	42.779.916 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	42.779.916 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 (không) cổ phần
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/ cổ phần
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM 14/10/2024 (NGÀY CHỐT DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GẦN NHẤT)

STT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ (%)
I	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
II	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	1	8.579.972	20%
III	Cổ đông trong nước	3.013	34.199.944	80%
	- Cổ đông tổ chức	4	134.130	1%
	- Cổ đông cá nhân	3.009	34.065.814	79%
IV	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Cổ đông tổ chức	0	0	0
	- Cổ đông cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	3.014	42.779.916	100%

CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Ông VŨ THÀNH TRUNG
Số lượng sở hữu (cổ phiếu): 8.579.972
Tỷ lệ: 20%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Theo công văn số 3167/UBCK-PTTT ngày 27/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Dược liệu Việt Nam theo quy định của pháp luật là 0%.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU TÍNH ĐẾN 31/12/2024

Đơn vị: tỷ đồng

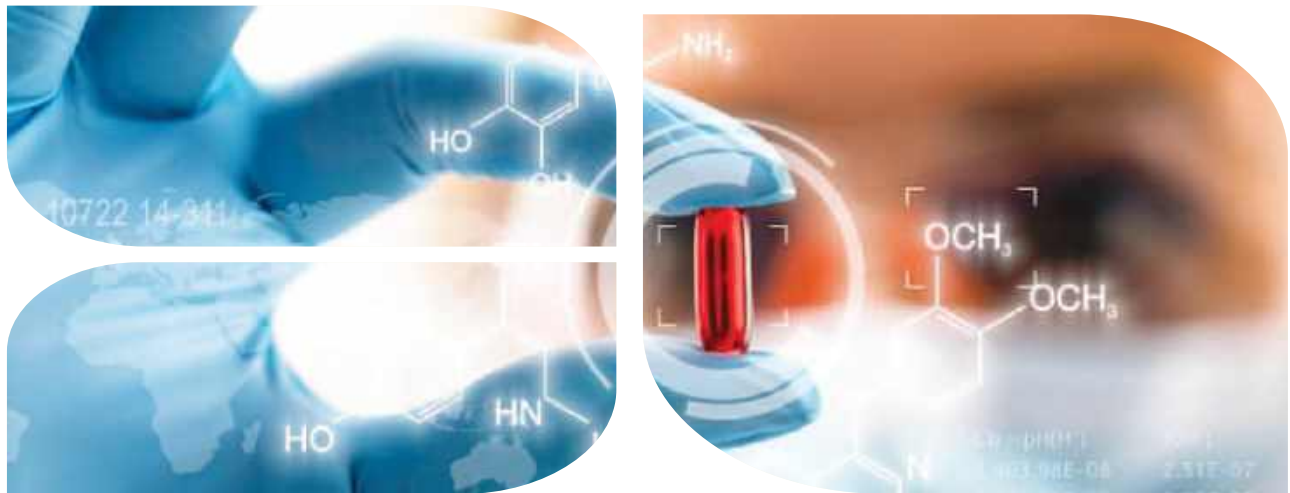
THỜI GIAN	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG/GIẢM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG/GIẢM	HÌNH THỨC PHÁT HÀNH
Tháng 03/2021	-	3,1	Góp vốn của các cổ đông sáng lập
Tháng 07/2014	12,9	16	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 08/2016	4	20	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 12/2016	16	36	Tăng vốn để nhận sáp nhập 01 công ty (CTCP dược Mepha-MSDN 2600348402)
Tháng 08/2017	14	50	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 03/2019	40	90	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 01/2020	60	150	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán riêng lẻ cho NĐT khác
Tháng 06/2021	120	270	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán riêng lẻ cho NĐT khác
Tháng 05/2022	86,5	356,5	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng
Tháng 07/2024	71,299	427,799	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty không có cổ phiếu quỹ.
Trong năm 2024, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam không sở hữu bất kỳ chứng khoán nào khác.



PHẦN III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

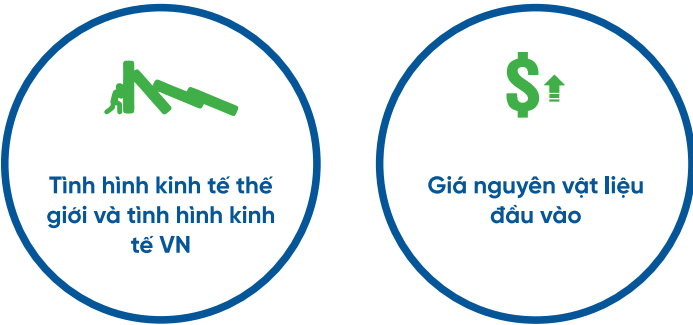
Trong năm 2024, giá nguyên liệu đầu vào cho ngành dược liệu tại Việt Nam đã trải qua những biến động đáng kể. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo bao gồm ngành dược phẩm tăng 3,79% so với năm 2023. Với đặc thù của một doanh nghiệp dược, hệ số lợi nhuận trên vốn chủ và lợi nhuận trên doanh thu thuần vốn đã rất mỏng do chi phí để tự sản xuất dược liệu cao, DVM luôn nỗ lực cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý hiệu quả chi phí của Công ty. Theo đó, chỉ số ROS, ROE và ROA của DVM trong năm 2024 đang dần cải thiện, lần lượt đạt 3,15%, 6,97% và 3,14% cho thấy DVM đã có những bước tiến tích cực trong việc nâng cao hiệu suất kinh doanh, tối ưu hóa chi phí và đang từng bước thích ứng với biến động giá nguyên liệu đầu vào. Trong năm 2024, DVM tiếp tục đẩy mạnh mục tiêu tự chủ nguồn cung dược liệu thô, nâng cao tính ổn định trong sản xuất và giảm thiểu tác động từ biến động giá nguyên liệu đầu vào.

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KH 2024	TH 2024	TH 2024/KH 2024 (%)
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.200	1.579,97	131,66%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	59,7	55,40	92,80%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	49,5	47,88	96,73%

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM:



CÁC NGUYÊN NHÂN CHÍNH TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

STT	TÀI SẢN	ĐƠN VỊ	31/12/2023	31/12/2024
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	823.096.744.588	940.864.723.951
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Đồng	104.847.984.669	85.716.381.492
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Đồng	94.772.592.688	118.906.968.745
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	Đồng	390.417.788.408	497.612.779.269
4	Hàng tồn kho	Đồng	230.958.857.434	238.256.494.183
5	Tài sản ngắn hạn khác	Đồng	2.099.521.389	372.100.262
II	Tài sản dài hạn	Đồng	709.823.774.029	693.705.321.666
1	Các khoản phải thu dài hạn	Đồng	85.559.448.274	93.577.326.528
2	Tài sản cố định	Đồng	337.035.999.196	369.926.562.095
3	Tài sản dở dang dài hạn	Đồng	264.582.844.889	207.741.675.127
4	Đầu tư tài chính dài hạn	Đồng	20.000.000.000	20.000.000.000
5	Tài sản dài hạn khác	Đồng	2.645.481.670	2.459.757.916
	Tổng tài sản	Đồng	1.532.920.518.617	1.634.570.045.617

(Nguồn: BCTC năm 2024 được kiểm toán của CTCP Dược liệu Việt Nam)

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2024 tăng 6,63% so với thời điểm cuối năm 2023 từ hơn 1.532,92 tỷ đồng lên 1.634,570 đồng. Tài sản của công ty tập trung chủ yếu ở tài sản cố định, tài sản dở dang dài hạn (là các nhà máy sản xuất dược liệu của Công ty), khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Trong đó, chiếm tỷ trọng nhiều nhất là khoản phải thu ngắn hạn hơn 497,612 tỷ đồng. Đây đều là các khoản phải thu từ các khách hàng tổ chức như doanh nghiệp, bệnh viện đặt hàng từ Công ty. Do đặc tính của ngành mà các đơn vị đặt hàng sẽ thanh toán theo từng đợt. Công ty đánh giá đầy đủ là các khoản phải thu có thể thu hồi.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	31/12/2023	31/12/2024
I	Nợ ngắn hạn	Đồng	799.144.132.464	869.787.379.806
1	Phải trả người bán ngắn hạn	Đồng	94.164.743.608	92.564.402.663
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Đồng	452.739.347	67.689.020
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đồng	10.875.617.933	5.735.111.838
4	Phải trả người lao động	Đồng	2.083.967.591	2.981.715.656
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	Đồng	1.371.080.529	961.039.745
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Đồng	4.775.314.745	2.791.437.590
7	Phải trả ngắn hạn khác	Đồng	505.312.702	20.119.620.050
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Đồng	679.477.174.315	740.666.281.550
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	5.438.181.694	3.900.081.694
II	Nợ dài hạn	Đồng	45.104.263.682	28.235.658.684
1	Phải trả dài hạn khác	Đồng	42.480.951.782	2.349.412.900
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Đồng	2.623.311.900	25.886.245.784
	Tổng cộng	Đồng	844.248.396.146	898.023.038.490

(Nguồn: BCTC năm 2024 được kiểm toán của CTCP Dược liệu Việt Nam)

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, các khoản vay và nợ thuê tài chính chiếm tỷ trọng nhiều nhất. Tại thời điểm cuối năm 2024, tổng dư nợ vay của Công ty là gần 740,66 tỷ đồng, chiếm 82,47% tổng nợ phải trả của Công ty. Đây đều là các khoản vay của Công ty từ các Ngân hàng để tài trợ cho dòng vốn lưu động và vốn để đầu tư các dự án trang trại dược liệu của Công ty nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Công ty vẫn luôn chú trọng quản lý dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để trả các khoản vay. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty không có các khoản phải trả quá hạn nào và đảm bảo các chỉ số thanh toán của Công ty giữ ở mức lành mạnh.

Hiện tại, Công ty không có bất cứ khoản vay bằng ngoại tệ nào nên việc ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến chi phí đi vay của DVM là không có. Ngoài ra, việc biến động lãi vay trong nước cũng ảnh hưởng đến chi phí của Công ty khi trong năm 2024, chi phí lãi vay của Công ty là gần 47,70 tỷ đồng. Việc quản trị rủi ro lãi vay biến động là một phần ưu tiên của Ban điều hành Công ty khi thường xuyên theo dõi, đưa ra đánh giá để tiếp cận nguồn vốn vay phù hợp với bối cảnh hoạt động của Công ty trong năm.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Quy hoạch và hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty có đầy đủ các phòng ban/bộ phận chức năng để vận hành hệ thống một cách bài bản, chuyên nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu tăng cao của việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh & các dự án ngày một nhiều, VIETMEC không ngừng tuyển dụng người tài vào các vị trí mới để đảm đương công việc quan trọng trong Công ty. Thực hiện phân công nhân sự quản lý chung hệ thống bán hàng thuộc khối kinh doanh nhà thuốc và khối kinh doanh OTC với mục đích giúp đội ngũ kinh doanh phát triển năng lực, đảm bảo nguồn nhân lực ổn định và bền vững, hoàn thành các kế hoạch chỉ tiêu kinh doanh Ban lãnh đạo đã đề ra.

Tăng cường việc quản trị nhân sự bằng chuyển đổi số với phần mềm Base.vn: Sau 12 tháng triển khai đã tiến hành số hóa toàn bộ dữ liệu, định hình và thiết lập hệ thống, hướng dẫn 100% nhân sự khối văn phòng, khối nhà máy và khối kinh doanh làm quen với nền tảng Base.

HIỆU QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐEM LẠI

NÂNG CAO HIỆU SUẤT CÔNG VIỆC

Hệ thống hóa các quy trình nội bộ, tăng hiệu suất và giảm rủi ro vận hành.

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Hệ thống hóa thông tin, kết nối nhân viên trong tổ chức, xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh.

TỐI ƯU QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Hỗ trợ phát triển nhân sự toàn diện, thi đua khen thưởng, tăng nội lực doanh nghiệp làm đòn bẩy cho lợi thế cạnh tranh.



4. KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

Trên cơ sở những kết quả đạt được của năm 2024, trước tình hình dự báo đầy biến động của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, cùng với năng lực con người, thương hiệu, uy tín của Công ty, Ban lãnh đạo xây dựng kế hoạch năm 2025 với những mục tiêu cụ thể như sau:



Nhằm đạt được kế hoạch trên, Công ty dự kiến tập trung vào: Công ty tập trung vào bán hàng sản xuất thông qua hệ thống nhà thuốc và đấu thầu; hoàn thiện dự án dây chuyền để đưa vào sản xuất.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình. (Tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, ý kiến của kiểm toán là chấp thuận toàn phần).



PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, cũng như dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời thống nhất và đưa ra kế hoạch hoạt động và kinh doanh. Trong năm 2024, Công ty đã gần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra như sau:



Theo đó, HĐQT, BKS và Tổng giám đốc đã phối hợp thực hiện công việc theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ một cách nhịp nhàng và hiệu quả đảm bảo việc điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc không bị cản trở, việc giám sát của HĐQT và BKS được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty được thực hiện đúng theo quy định.

HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

Năm 2024 cũng là năm Công ty tiếp tục tăng cường các kênh quảng cáo; tích cực trong công tác phân phối tiêu thụ sản phẩm và đạt được những kết quả đáng khích lệ (doanh thu, lợi nhuận đều tăng so với năm trước, hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoàn thành 92,80 % kế hoạch lợi nhuận trước thuế).



HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU SẢN PHẨM

Tính đến 31/12/2024, phòng nghiên cứu phát triển đã nghiên cứu và hoàn thiện hồ sơ nộp xin số lên các bộ, ban, ngành với số lượng cụ thể như sau:

STT	LOẠI SẢN PHẨM	CÔNG BỐ TẠI SYT PHÚ THỌ			ĐĂNG KÝ TẠI CÁC CỤC				
		TỰ CÔNG BỐ	CÔNG BỐ	CỘNG	ĐĂNG KÝ				PHÊ DUYỆT
					CỤC ATTP	CỤC YHCT	CỤC QL DƯỢC	CỘNG	
1	Vị thuốc YHCT					208		208	172
2	Cao khô	170		170			15	15	-
3	Cốm vị thuốc YHCT	150		150		189		189	5
4	Thực phẩm BVSK				95			95	93
5	Thuốc dược liệu (đồng dược)						19	19	-
6	Thuốc cổ truyền						37	37	5
7	Sữa		5	5					
8	Thực phẩm	12		12					
	Cộng	162	5	167	95	189	56	340	103

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

“ Nghiên cứu quan sát, nhãn mô, có nhóm chứng đánh giá tính hiệu quả và an toàn của phương pháp ứng dụng cốm vị thuốc trong điều trị bệnh nhân bằng thuốc Y học cổ truyền theo công thức được kê đơn

Viện Y dược học dân tộc

“ Dự án: Sản xuất viên nang chứa collagen từ vây cá và dầu giàu omega-3,6,9 từ hạt cây sachi (plukenetia volubilis)

Viện Kỹ thuật nhiệt đới (VIỆN HÀN LÂM KHCNVN)



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY

Kiểm tra 100% nguyên vật liệu, hàng hóa nhập kho và thành phẩm xuất xưởng; thực hiện nghiêm túc đầy đủ quy trình sản xuất đồng thời thường xuyên giám sát thực hiện để kiên trì theo đuổi chiến lược sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có chất lượng tốt, nguồn gốc nguyên liệu rõ ràng, giá cả hợp lý tạo niềm tin cho khách hàng.

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Công tác hạch toán kế toán luôn đảm bảo kịp thời và chính xác là cơ sở để lập các báo cáo quản trị giúp Tổng giám đốc ra các quyết định phù hợp trong điều hành sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của Nhà nước về chế độ kế toán áp dụng đồng thời thực hiện đầy đủ kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 6 tháng và báo cáo tài chính năm, báo cáo kịp thời các cơ quan quản lý theo quy định và Nghị quyết của ĐHĐCĐ để ra.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh; định kỳ thực hiện quan trắc môi trường cũng như chủ động báo cáo và nộp cho cơ quan chức năng theo quy định; xử lý chất thải được phân loại và xử lý phù hợp.

Công ty luôn đề cao tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện mục tiêu góp phần phát triển cộng đồng thông qua các hoạt động thiết thực như tặng quà cho bệnh nhân nghèo, ủng hộ tiền cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh đặc biệt, trao học bổng cho sinh viên ngành dược, ủng hộ xây dựng nghĩa trang liệt sĩ...

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam là 1 trong 5 doanh nghiệp có đóng góp tích cực nhất và tài trợ cao nhất cho “Mùa xuân cho em” lần thứ 18 với số tiền tài trợ là 5 tỷ đồng. Năm 2024, Vietmec cũng là một trong những doanh nghiệp tiêu biểu có những đóng góp tích cực cho các hoạt động vì trẻ em. Vào chiều 19/02/2024, đại diện công ty cùng đại diện các doanh nghiệp tiêu biểu đã tham gia chương trình “Tri ân những tấm lòng vàng” tại Phủ Chủ tịch và được trao tặng bằng khen.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hoạt động đầu tư và thực hiện các dự án được Công ty thực hiện đầy đủ, bảo đảm tiến độ và các bước theo quy định; hoàn thành xây dựng ... để hỗ trợ nâng cao hiệu quả các hoạt động bán hàng.

TUYỂN DỤNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tuyển dụng, đào tạo, quản lý nhân sự luôn bám sát tình hình thực tế đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chính sách đối với người lao động (lương, thưởng, phúc lợi, giờ giấc làm việc, đào tạo chuyên môn, an toàn lao động...) luôn được thực hiện đầy đủ theo quy định của luật lao động và pháp luật hiện hành.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin đầy đủ theo đúng các quy định của Pháp luật. Ban Tổng Giám đốc điều hành đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, khả năng phối hợp tốt và thống nhất trong điều hành, hướng đến mục tiêu chung mà Hội đồng quản trị giao phó.

Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành. Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban Tổng giám đốc để thảo luận, đề ra các phương án tháo gỡ khó khăn một cách nhanh chóng, linh hoạt và kịp thời phù hợp với bối cảnh kinh doanh của ngành được trong năm. Đồng thời, Ban Tổng

Giám đốc cũng thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tiếp tục đóng vai trò lãnh đạo dẫn dắt, đốc thúc đội ngũ cán bộ công nhân viên vượt qua khó khăn để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, phát triển thị trường, đảm bảo việc làm cho người lao động, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Tổng giám đốc đã có nhiều cải tiến trong công tác điều hành đã ban hành xây dựng được các quy định trong công tác quản lý và sử dụng nhân lực, trong báo cáo thực hiện công việc, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành tổ chức sản xuất, quản trị bộ máy, quản trị hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, quản trị hệ thống tài chính kế toán công khai minh bạch.



TIẾP ĐOÀN NHẬT BẢN



TIẾP ĐOÀN HÀN QUỐC



TIẾP ĐOÀN ĐỨC





TIẾP ĐOÀN TRUNG QUỐC



TIẾP ĐOÀN ĐÀI LOAN



HỘI THẢO KHOA HỌC



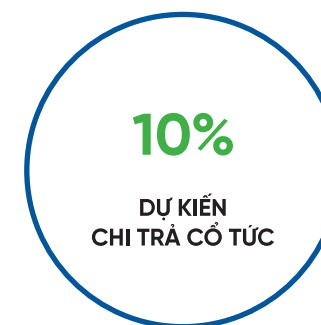
THAM DỰ TRIỂN LÃM Y DƯỢC THẾ GIỚI



GIẢI THƯỞNG-THIỆN NGUYỆN

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để tiếp tục hành trình phát triển bền vững theo chiều sâu trong năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tập trung đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phục vụ sản xuất, mở rộng mạng lưới phân phối và nâng cao chất lượng sản phẩm. Hội đồng quản trị phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2025 như sau:



Để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện kế hoạch phát triển trong dài hạn, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc xác định định hướng cụ thể trong năm 2024 như sau:



Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị điều hành, phát triển nhân lực, xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín và minh bạch; xây dựng một hệ thống có nội lực mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của từng thành viên.



Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả để nâng cao năng lực sản xuất của Công ty; cải thiện năng suất lao động và quản trị hiệu quả hàng tồn kho.



Tăng cường đầu tư nghiên cứu các sản phẩm chiến lược có tiềm năng và giá trị cao, đẩy mạnh vị thế của Công ty trên thị trường trong nước và xúc tiến hoạt động xuất khẩu sang các thị trường mới.



Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản trị rủi ro tài chính.

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty gồm 06 thành viên, mỗi nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Danh sách HĐQT bao gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/ MIỄN NHIỆM	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	ÔNG NGUYỄN VĂN CẢI	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/05/2024	0%
2	ÔNG VŨ THÀNH TRUNG	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 19/07/2021	20,06%
3	BÀ NGUYỄN THỊ HÀ	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024	0,14%
4	ÔNG TRẦN BÌNH DUYÊN	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024	0,45%
5	ÔNG PHẠM HOÀNG LINH	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024	0%
6	BÀ ĐOÀN THỊ THU HOÀI	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024	12%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị vì mỗi thành viên HĐQT đều được phân công chịu trách nhiệm về một lĩnh vực chuyên trách cụ thể.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT, trong năm 2024 hội đồng quản trị đã tổ chức 34 cuộc họp với sự thống nhất cao, ban hành 37 Nghị quyết để tập trung giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết được ban hành kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế, đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tỷ lệ tham dự các phiên họp của các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 trong năm 2024 như sau:

STT	THÀNH VIÊN	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	ÔNG NGUYỄN VĂN CẢI	33/33	100%	
2	ÔNG VŨ THÀNH TRUNG	33/33	100%	
3	BÀ NGUYỄN THỊ HÀ	29/33	88%	Tham dự các cuộc họp sau khi Bổ nhiệm ngày 31/05/2024
4	ÔNG TRẦN BÌNH DUYÊN	05/33	15%	Không tham dự các cuộc họp sau ngày miễn nhiệm 31/05/2024
5	ÔNG PHẠM HOÀNG LINH	05/33	15%	
6	BÀ ĐOÀN THỊ THU HOÀI	05/33	15%	

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP NHƯ SAU:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ
1	01/2024/NQ-HĐQT/DLVN	03/04/2024	Nghị quyết Thông qua Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024.
2	02/2024/NQ-HĐQT/DLVN	17/04/2024	Nghị quyết Thông qua Lập danh sách cổ đông và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
3	02A/2024/NQ-HĐQT/DLVN	10/05/2024	Nghị quyết Thông qua Miễn nhiệm PTGD phụ trách tài chính.
4	03/2024/NQ-HĐQT/DLVN	10/05/2024	Nghị quyết Thông qua Miễn nhiệm PTGD phụ trách sản xuất và công nghệ.
5	04/2024/NQ-HĐQT/DLVN	10/05/2024	Nghị quyết Thông qua Miễn nhiệm chức vụ chỉ tịch HĐQT.
6	05/2024/NQ-HĐQT/DLVN	10/05/2024	Nghị quyết Thông qua Bầu chức vụ HĐQT
7	06/2024/NQ-HĐQT/DLVN	30/05/2024	Nghị quyết Thông qua Thông qua danh sách ứng viên đề cử TV HĐQT và BKS
8	07/2024/NQ-HĐQT/DLVN	07/06/2024	Nghị quyết Thông qua Việc ban hành điều lệ và thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022
9	08/2024/NQ-HĐQT/DLVN	18/06/2024	Nghị quyết Thông qua Công tác kiểm toán nội bộ 2024-2025
10	09/2024/NQ-HĐQT/DLVN	24/06/2024	Nghị quyết Thông qua Phương án thế chấp tài sản tại NH TMCP BIDV – CN Hà Nội
11	10/2024/NQ-HĐQT/DLVN	24/06/2024	Nghị quyết Thông qua Miễn nhiệm người quản trị nội bộ
12	11/2024/NQ-HĐQT/DLVN	24/062024	Nghị quyết Thông qua Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
13	12/2024/NQ-HĐQT/DLVN	26/062024	Nghị quyết Thông qua Chủ trương thành lập Chi nhánh Công ty CP Dược liệu VN tại Thanh Hóa
14	13/NQ HĐQT/DLVN	08/07/2024	Nghị quyết Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2022
15	14/NQ HĐQT/DLVN	12/07/2024	Nghị quyết Thông qua Việc tái cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn tại NHTMCP BIDV
16	15/NQ HĐQT/DLVN	24/07/2024	Nghị quyết Thông qua Việc Dừng tài sản sau để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
17	16/NQ HĐQT/DLVN	25/07/2024	Nghị quyết Thông qua Kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2022
18	17/NQ HĐQT/DLVN	31/07/2024	Nghị quyết Thông qua Việc Ký hợp đồng hạn mức thấu chi tại NH TMCP Thịnh Vượng và Phát triển – CN Khánh Hòa
19	18/NQ HĐQT/DLVN	02/08/2024	Nghị quyết Thông qua Phương án nhận cấp tín dụng và các vấn đề liên quan đến việc nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
20	19/NQ HĐQT/DLVN	13/08/2024	Nghị quyết Thông qua Phương án nhận cấp tín dụng và các vấn đề liên quan đến việc nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP An Bình –CN Hà Nội

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ
21	20/NQ HĐQT/DLVN	14/08/2024	Nghị quyết Thông qua Phương án thế chấp tài sản tại NH TMCP BIDV – CN Hà Nội
22	21/NQ HĐQT/DLVN	14/08/2024	Nghị quyết Thông qua Phương án nhận cấp tín dụng và các vấn đề liên quan đến việc nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng BIDV
23	22/NQ HĐQT/DLVN	18/08/2024	Nghị quyết Thông qua Nhận cấp tín dụng từ VPBank
24	23/NQ HĐQT/DLVN	18/08/2024	Nghị quyết Thông qua Giao dịch tín dụng tại Ngân hàng TNHH INDOVINA
25	24/NQ HĐQT/DLVN	20/08/2024	Nghị quyết Thông qua Ký kết hợp đồng cho vay hạn mức giữa Công ty và NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Lưu Xá
26	25/NQ HĐQT/DLVN	16/08/2024	Nghị quyết Thông qua Nhận cấp tín dụng tại NH TMCP HDBank
27	26/NQ HĐQT/DLVN	23/08/2024	Nghị quyết Thông qua Thế chấp tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ
28	27/NQ HĐQT/DLVN	30/08/2024	Nghị quyết Thông qua Nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hdbank
29	28/NQ HĐQT/DLVN	16/09/2024	Nghị quyết Thông qua Sửa đổi điều lệ công ty
30	29/NQ HĐQT/DLVN	23/09/2024	Nghị quyết Thông qua Thế chấp tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tại NH INDOVINA
31	30/NQ HĐQT/DLVN	25/09/2024	Nghị quyết Thông qua Thế chấp tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ cho BIDV
32	31/NQ HĐQT/DLVN	27/09/2024	Nghị quyết Thông qua Thống nhất về việc rút các tài sản là các Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và sử dụng để trả nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
33	32/NQ HĐQT/DLVN	26/11/2024	Nghị quyết Thông qua Phê duyệt tăng hạn mức tín dụng và cấp mới khoản vay trung hạn và dài hạn bởi Ngân hàng INDOVINA
34	34/NQ HĐQT/DLVN	03/12/2024	Nghị quyết Thông qua Hợp tác đầu tư Dự án "Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý" tại huyện Bắc Ái, tại tỉnh Ninh Thuận
35	35/NQ HĐQT/DLVN	17/12/2024	Nghị quyết Thông qua Nhận cấp tín dụng và các vấn đề liên quan đến nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng VP
36	36/NQ HĐQT/DLVN	18/12/2024	Nghị quyết Thông qua Nhận cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty
37	37/NQ HĐQT/DLVN	30/12/2024	Nghị quyết Thông qua Rút tài sản tại NH TMCP BIDV

HĐQT đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kịp thời phối hợp với Ban Tổng giám đốc để có các biện pháp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, HĐQT còn phối hợp với Ban kiểm soát Công ty tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể công việc theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT đồng thời giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Tổng giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết theo từng lĩnh vực đã được phân công.

Trong năm 2024, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khẩn trương, phát huy năng lực lãnh đạo vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, điều lệ và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc lập và thực hiện chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các nghị quyết, thông báo của Hội đồng quản trị.

Thành viên hội đồng quản trị độc lập đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty, cùng Hội đồng quản trị quản lý, giám sát hoạt động điều hành kinh doanh.

Các thành viên Hội đồng quản trị được giao phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty, với sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả thành viên độc lập.



2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, Trưởng ban do các thành viên BKS bầu, cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/NGÀY KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN BKS	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm 31/05/2024	0%
2	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	Miễn nhiệm 31/05/2024	0,0001%
3	Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	Miễn nhiệm 31/05/2024	0,001%
4	Nguyễn Diệp Khánh Linh	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm 31/05/2024	0%
5	Bùi Công Tuấn	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 31/05/2024	0,0003%
6	Đặng Thị Khánh Ngân	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 31/05/2024	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ tham dự các phiên họp của các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2024 như sau:

STT	THÀNH VIÊN	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Nguyễn Diệp Khánh Linh	5/7	72%	Tham dự các cuộc họp sau ngày bổ nhiệm 31/05/2024
2	Bùi Công Tuấn	5/7	72%	
3	Đặng Thị Khánh Ngân	5/7	72%	
4	Nguyễn Thị Tuyết Mai	2/7	28%	Không tham dự các cuộc họp sau ngày miễn nhiệm 31/05/2024.
5	Dương Thị Ngọc	2/7	28%	
6	Trần Thị Thanh Tâm	2/7	28%	

Đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện:

- Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham gia góp ý và giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế quản lý của công ty phù hợp với Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.
- Đẩy mạnh giám sát các hoạt động của HĐQT tuân thủ Điều lệ, tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như các quy định của pháp luật hiện hành.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện các quy chế quy định đã ban hành.
- Tham gia soát xét hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Tham gia cùng Ban điều hành thực hiện kiểm tra một số hoạt động tại nhà máy Phú Thọ đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư của

Công ty (phát triển vùng trồng, dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư...).

- Phối hợp cùng các Phòng ban chức năng trong công tác phát triển nguồn nhân lực, siết chặt kỷ luật lao động, thúc đẩy bán hàng do công ty sản xuất.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT thông qua việc được cung cấp đầy đủ và rõ ràng những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp HĐQT. Qua các cuộc họp cùng HĐQT, Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn để cùng nhau phân tích, đánh giá đưa ra những quyết định tối ưu nhất vừa tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành vừa tối ưu hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Bên cạnh đó, trong quá trình giám sát việc thực hiện hoạt động Công ty, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã nhiệt tình cung cấp các thông tin theo yêu cầu, tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao của HĐQT và BKS năm 2024, đã thực hiện chi trả là 418 triệu đồng

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc năm 2024 là 1.358.694.778 đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG (VNĐ)
1	Vũ Thành Trung	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/07/2021)	692.926.750
2	Trần Bình Duyên	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/05/2024)	45.603.810
3	Đoàn Thị Thu Hoài	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/05/2024)	222.204.218
4	Nguyễn Mạnh Thắng	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 29/05/2023)	397.960.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có.



4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2024, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN:

Bộ phận phụ trách Công bố thông tin của DVM thường xuyên cập nhật thông tin và thực hiện tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng được quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản pháp luật liên quan.

Công ty luôn công bố thông tin đầy đủ và đúng hạn như: Báo cáo tài chính kiểm toán năm, Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo thường niên, công bố thông tin về tổ chức ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, ... và các thông tin theo quy định khác. Trong năm, Công ty không bị xử phạt vi phạm quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

Ban lãnh đạo của Công ty luôn chú trọng việc minh bạch trong hoạt động đối với các nhà đầu tư như là một cách để quảng bá hình ảnh công ty cũng như xây dựng niềm tin từ cộng đồng. Công ty đang đẩy mạnh việc tiếp xúc với nhà đầu tư thông qua nhiều nguồn, từ trực tiếp đến gián tiếp thông qua website, thông cáo báo chí, ấn phẩm, ...



NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty chú trọng xây dựng, hoàn thiện và ban hành lộ trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ vào việc kiểm soát, vận hành hoạt động kinh doanh thường ngày của doanh nghiệp. Với mô hình kinh doanh bao gồm cả sản xuất và trực tiếp phân phối qua nhiều kênh, Ban lãnh đạo của Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống quản trị công nghệ thông tin để đồng bộ giữa phân tích dữ liệu, kiểm soát rủi ro hoạt động và tính nhanh chóng cho việc đưa ra quyết định.

Ngoài ra, công tác quản trị nhân sự cũng được Công ty quan tâm vì yếu tố con người là yếu tố quyết định thành hay bại của một doanh nghiệp. Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các mục tiêu dài hạn của công ty. Công ty không ngừng hợp tác với các tổ chức đào tạo được si có uy tín, kết hợp với các chính sách đãi ngộ minh bạch để thu hút nhân tài. Các chính sách về phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong nội bộ đang được Công ty dần hoàn thiện và triển khai.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty, tham gia các cuộc hội thảo về quản trị công ty do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có). Việc đảm bảo việc tuân thủ pháp luật về quản trị công ty đại chúng được coi là ưu tiên được đặt lên hàng đầu trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban lãnh đạo Công ty.

PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty luôn gắn chiến lược phát triển bền vững vào chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp để đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn. Công ty mong muốn tạo ra thêm giá trị cho xã hội, môi trường và đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan. Hội đồng quản trị đóng vai trò là cơ quan đưa ra định hướng, chính sách phát triển bền vững chung của toàn Công ty, đồng thời chỉ đạo để đảm bảo việc phát triển bền vững gắn với lợi ích của cổ đông của Công ty. Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty chịu trách nhiệm đánh giá, triển khai, báo cáo với Hội đồng quản trị về việc tuân thủ chính sách phát triển bền vững mà HĐQT đưa ra trong năm.

KHÁCH HÀNG – ĐỐI TÁC

- Đối với khách hàng:**
- DVM đặt uy tín và chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, đưa đến cho khách hàng các sản phẩm chăm sóc sức khỏe tốt nhất với mong muốn cuộc sống của khách hàng luôn khỏe mạnh và vui vẻ.
 - Các ý kiến của khách hàng về chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ đều được Công ty ghi nhận và được Ban điều hành ưu tiên kiểm tra, giải quyết và đề ra phương án thay đổi.
- Đối với đối tác:**
- DVM hướng tới sự tin tưởng, uy tín và tôn trọng lợi ích lẫn nhau để cùng mang lại lợi ích cho xã hội.
 - Các vấn đề phát sinh trong quá trình hợp tác đều được Công ty hướng đến việc giải quyết đầy thiện chí, đảm bảo quyền lợi của các nhà cung cấp hoặc bệnh viện đối tác.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng chính sách đãi ngộ minh bạch, công bằng đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên, bao gồm cả khối sản xuất và khối văn phòng.

Thường xuyên tổ chức các sự kiện nhằm mục đích gắn kết tinh thần đời sống của nhân viên, lấy sự hài lòng của nhân viên làm trọng tâm trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp khỏe mạnh.

-Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với các cán bộ nhân viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tạo điều kiện cho họ được an tâm làm việc.



CỔ ĐÔNG

Xây dựng và duy trì chính sách quản trị minh bạch, hiệu quả

Công bố thông tin đầy đủ, chính xác, tuân thủ quy định của pháp luật.

Chính sách cổ tức được Công ty duy trì ổn định qua các năm nhằm củng cố niềm tin của cổ đông vào khả năng sinh lời trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

CỘNG ĐỒNG

Gắn liền sự phát triển của Công ty với sự phát triển của các địa phương nơi mà Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tích cực tham gia các chương trình thiện nguyện nhằm giúp đỡ cộng đồng gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

Đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ thuế và đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường, đặc biệt là đối với hoạt động sản xuất tại nhà máy của Công ty.

Có chính sách để đảm bảo sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.



2. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

- Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất, Công ty liên tục đưa ra các chính sách nhằm đánh giá và kiểm soát nguồn phát thải (của cả nhà máy và văn phòng) đối với môi trường xung quanh. Trong năm 2024, Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty là cây dược liệu được nhập khẩu từ Trung Quốc, đảm bảo đáp ứng đầy đủ quy định an toàn của Bộ Y tế.

Ngoài ra, Công ty có các quy trình và quy định sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa các nguyên vật liệu hỏng trong quá trình sản xuất, tránh gây lãng phí và việc tiêu hủy ảnh hưởng đến môi trường.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty chủ yếu sử dụng điện năng cho hoạt động sản xuất dược liệu tại nhà máy.

Đối với nhà máy: Công ty luôn có hướng dẫn và chế tài xử phạt đối với các vi phạm liên quan đến không tiết kiệm điện, để xảy ra sự cố điện gây mất an toàn, ...

Đối với khối văn phòng: Công ty luôn khuyến khích các cán bộ nhân viên của công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp tiết kiệm năng lượng như: tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng điều hòa một cách hợp lý, ưu tiên sử dụng bóng đèn LED để tiết kiệm điện ... Nhờ đó Công ty có thể giảm thiểu chi phí, vừa có thể góp phần giảm thiểu tác động gây hại lên môi trường

LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2024	
năm 2023	năm 2024
2,05 (kwh)	3 (kwh)
% Tăng/giảm	Thành tiền điện tiêu thụ năm 2024
46,3%	1,6 tỷ

TIÊU THỤ NƯỚC

Việc quản lý tiêu thụ nước sạch cũng được Công ty chú trọng như quản lý tiêu thụ điện. Trong năm 2024, Công ty thường xuyên đồn đốc cán bộ công nhân viên khối văn phòng và khối sản xuất tự giác tiết kiệm nước, có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và tái sử dụng nước cho các hoạt động của nhà máy.

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2024	
năm 2023	năm 2024
41m³/ngày	43m³/ngày
% Tăng/giảm	
4,87%	

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Các bộ công nhân viên của Công ty được đảm bảo đóng BHYT và BHXH với tỷ lệ 100% đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Định kỳ 1 năm/lần, Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động; tổ chức tham quan du lịch; tổ chức Hội thao nhằm tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích dành cho CBNV có cơ hội giao lưu, luyện tập thể dục thể thao, nâng cao tinh thần đoàn kết; thể hiện tinh thần “làm việc tốt, vui chơi khỏe” của CBNV VIETMEC; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho CBNV; huấn luyện an toàn lao động; huấn luyện an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn điện hàng năm,... Ngoài ra Ban lãnh đạo rất chú trọng việc tăng cường các chính sách phúc lợi khác để người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: CBNV được đào tạo tại nơi làm việc; đào tạo tập trung tại các khóa do Công ty tổ chức; cử tham gia các khóa học bên ngoài Công ty. Nhóm Chuyên viên/ Nhân viên được đào tạo tập trung/tại chỗ theo quy hoạch (tất cả các modul như đào tạo định hướng, chuyên môn, năng lực lãnh đạo, đào tạo văn hóa, đào tạo về các vấn đề mới của Công ty...) tối thiểu 02h/giờ/tháng. Nhóm Cán bộ Quản lý (cấp trung và cao cấp) Khối kinh doanh và Khối Nhà máy có trách nhiệm giảng dạy CBNV cấp dưới/giảng dạy chuyên môn tối thiểu 08h/tháng; các bộ phận còn lại tối thiểu 02h/tháng.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: CBLĐ được đào tạo về năng lực lãnh đạo, năng lực quản trị căn cứ trên danh mục các khóa học do Phòng HCNS lập để đăng ký các khóa học phù hợp cho từng chức danh. Chuyên viên/ Nhân viên được đào tạo năng lực chuyên môn và kỹ năng cần thiết theo yêu cầu công việc và tham gia các kỳ thi/kiểm tra để xác định cấp độ năng lực và tay nghề chuyên môn, đào tạo hội nhập, đào tạo quy chế công ty, đào tạo kỹ năng mềm, đào tạo nhân viên khối kinh doanh về kỹ năng sales, kiến thức sản phẩm, Ngoài ra Công ty cũng hoạch định và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận cho các vị trí chủ chốt để đảm bảo nguồn nhân lực ổn định, tạo cơ hội cho người lao động phát triển sự nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đáp ứng lời kêu gọi ủng hộ của các cơ quan địa phương & đoàn thể, Công ty đã có các hoạt động với mục tiêu góp phần phát triển cộng đồng. Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam là 1 trong 5 doanh nghiệp có đóng góp tích cực nhất và tài trợ cao nhất cho “Mùa xuân cho em” lần thứ 18 với số tiền tài trợ là 5 tỷ đồng. Năm 2024, Vietmec cũng là một trong những doanh nghiệp tiêu biểu có những đóng góp tích cực cho các hoạt động vì trẻ em. Vào chiều 19/02/2024, đại diện công ty cùng đại diện các doanh nghiệp tiêu biểu đã tham gia chương trình “Tri ân những tấm lòng vàng” tại Phủ Chủ tịch và được trao tặng bằng khen.



PHẦN VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và được thay đổi lần thứ 27 ngày 20 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Trần Bình Duyên	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10/05/2024
Ông Nguyễn Văn Cải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/05/2024
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên	
Ông Phạm Hoàng Linh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
Bà Đoàn Thị Thu Hoài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
Bà Nguyễn Diệp Khánh Linh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024
Ông Bùi Công Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024
Bà Đặng Thị Khánh Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024
Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Vũ Thành Trung	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bình Duyên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/05/2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/05/2024

Đại diện pháp luật

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thành Trung – Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông VŨ THÀNH TRUNG

Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 1106/2024/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN HỮU HOÀN

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2417-2023-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

DƯƠNG VĂN THIỆU

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5353-2025-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		940.864.723.951	823.096.744.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	85.716.381.492	104.847.984.669
1. Tiền	111		50.049.634.000	48.481.761.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.666.747.492	56.366.223.599
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		118.906.968.745	94.772.592.688
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	118.906.968.745	94.772.592.688
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		497.612.779.269	390.417.788.408
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	434.649.297.670	318.909.257.763
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	57.012.618.899	71.447.037.558
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	8.647.804.687	2.873.965.729
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.696.941.987)	(2.812.472.642)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	238.256.494.183	230.958.857.434
1. Hàng tồn kho	141		238.256.494.183	230.958.857.434
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		372.100.262	2.099.521.389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	372.100.262	427.403.281
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	-	1.672.118.108
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		693.705.321.666	709.823.774.029
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		93.577.326.528	85.559.448.274
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	93.577.326.528	85.559.448.274
II. Tài sản cố định	220		369.926.562.095	337.035.999.196
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	137.783.362.447	153.064.091.477
- Nguyên giá	222		210.955.566.678	209.256.510.267
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.172.204.231)	(56.192.418.790)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.11	25.151.899.997	26.115.600.252
- Nguyên giá	225		42.326.474.802	35.238.581.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.174.574.805)	(9.122.980.771)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.12	206.991.299.651	157.856.307.467
- Nguyên giá	228		210.320.174.528	159.846.362.528
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.328.874.877)	(1.990.055.061)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		207.741.675.127	264.582.844.889
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.13	207.741.675.127	264.582.844.889
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.14	20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.000.000.000	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.459.757.916	2.645.481.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	2.459.757.916	2.645.481.670
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.634.570.045.617	1.532.920.518.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		898.023.038.490	844.248.396.146
I. Nợ ngắn hạn	310		869.787.379.806	799.144.132.464
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.15	92.564.402.663	94.164.743.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.16	67.689.020	452.739.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	5.735.111.838	10.875.617.933
4. Phải trả người lao động	314		2.981.715.656	2.083.967.591
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	961.039.745	1.371.080.529
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	2.791.437.590	4.775.314.745
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	20.119.620.050	505.312.702
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	740.666.281.550	679.477.174.315
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.900.081.694	5.438.181.694
II. Nợ dài hạn	330		28.235.658.684	45.104.263.682
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.19	2.349.412.900	2.623.311.900
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	25.886.245.784	42.480.951.782
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		736.547.007.127	688.672.122.471
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21	736.547.007.127	688.672.122.471
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.799.160.000	356.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.799.160.000	356.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		159.200.000.000	159.200.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.680.804.805	12.607.975.389
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.867.042.322	160.364.147.082
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		56.992.157.666	117.201.798.247
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		47.874.884.656	43.162.348.835
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.634.570.045.617	1.532.920.518.617

Người lập biểu
NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng
NGUYỄN MẠNH THẮNG



Tổng Giám đốc
VŨ THÀNH TRUNG
Phủ Thọ, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.580.015.291.142	1.482.341.922.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	46.032.000	622.238.801
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.579.969.259.142	1.481.719.683.532
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	1.439.371.590.106	1.323.480.020.325
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		140.597.669.036	158.239.663.207
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	4.592.777.323	6.130.105.302
7. Chi phí tài chính	22	5.5	47.700.455.832	58.874.378.815
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.700.455.832	58.596.999.362
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	11.254.728.685	25.672.546.257
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	28.419.639.298	30.829.595.637
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		57.815.622.544	48.993.247.800
11. Thu nhập khác	31	5.8	764.986.315	655.912.019
12. Chi phí khác	32	5.9	3.179.149.538	152.891.592
13. Lợi nhuận (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(2.414.163.223)	503.020.427
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		55.401.459.321	49.496.268.227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	7.526.574.665	6.333.919.392
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		47.874.884.656	43.162.348.835
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	1.119	1.211
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.11		1.009

Người lập biểu
NGUYỄN THỊ HƯỜNG

Kế toán trưởng
NGUYỄN MẠNH THẮNG



Tổng Giám đốc
VŨ THÀNH TRUNG
Phú Thọ, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.543.989.423.007	1.528.527.030.398
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(1.490.181.136.832)	(1.262.823.691.484)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.379.537.699)	(38.697.029.950)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(47.722.447.139)	(60.291.932.678)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(821.533.514)	(16.913.867.803)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	27.866.622.877	4.578.289.194
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(62.732.426.449)	(90.208.746.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(69.981.035.749)	64.170.050.972
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(14.021.420.864)	(103.054.718.743)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	250.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.100.000.000)	(115.072.592.688)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.770.420.337	50.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.620.403.844	4.965.820.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.269.403.317	(182.911.491.127)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.260.961.313.711	1.238.830.472.170
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.203.846.285.492)	(1.120.932.922.308)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(13.534.998.964)	(21.912.971.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.580.029.255	95.984.578.262
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(19.131.603.177)	(22.756.861.893)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	104.847.984.669	127.602.817.725
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	2.028.837
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	85.716.381.492	104.847.984.669


Người lập biểu
NGUYỄN THỊ HƯƠNG


Kế toán trưởng
NGUYỄN MẠNH THẮNG




Tổng Giám đốc
VŨ THÀNH TRUNG
Phú Thọ, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và được thay đổi lần thứ 27 ngày 20 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 427.799.160.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi bảy tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 42.779.916 cổ phần.

Danh sách cổ đông [chủ sở hữu] tại ngày 31/12/2024 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ
		VND	Cổ phần	%
1.	Ông Vũ Thành Trung	85.800.000.000	8.580.000	20,06%
2.	Các cổ đông khác	341.999.160.000	34.199.916	79,94%
		427.799.160.000	42.779.916	100,00%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 212 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 229 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là Sản xuất và bán buôn dược liệu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, ngành nghề hoạt động chính của Công ty là: Đại lý môi giới, đầu giá hàng hóa (Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột); Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Doanh nghiệp bán buôn thuốc (không hoạt động tại trụ sở chính); Doanh nghiệp bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: tinh dầu, chất màu, dầu thơm và hương liệu, sô đa, muối công nghiệp; Bán buôn dược phẩm (thuốc tân dược, vắc xin, sinh phẩm y tế); Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc giống cây hàng năm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống;

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh); Giáo dục khác chưa được phân vào đầu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản); Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Sản xuất tinh dầu tự nhiên); Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất nguyên liệu làm thuốc tân dược; Sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế (Chế phẩm sinh học cho người dùng)); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh).

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Các Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần VIBFA	TP. Hà Nội	40,00%	40,00%	Phân phối sản phẩm
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc				
Tên đơn vị	Địa chỉ			
Trụ sở CP Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Khu 8, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam tại Hà Nội	Số nhà 139, phố Hồng Tiến, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam tại Hải Phòng	Số SB.02 Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam tại Hồ Chí Minh	D9-04 đường D9 khu nhà phố Mahattan Vinhomes Grand Park, phường Long Bình, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh			

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các

khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.5. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

	Năm nay [Số năm]	Năm trước [Số năm]
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 07	04 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06	04 – 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 15	03 – 15

3.8. Thuê tài sản

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu

giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

Số năm

[Số năm]

05 - 10

Máy móc và thiết bị

3.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (581 tháng), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà

Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

3.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
 - Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
 - Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

3.13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.14. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản

cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền thuê tài sản cho nhiều kỳ. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

3.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.20. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.21. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản kỳ quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4.806.201.036	5.870.552.873
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.243.432.964	42.611.208.197
Các khoản tương đương tiền	35.666.747.492	56.366.223.599
	85.716.381.492	104.847.984.669

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	118.906.968.745	118.906.968.745	94.772.592.688	94.772.592.688
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	118.906.968.745	118.906.968.745	94.772.592.688	94.772.592.688
Dài hạn	-	-	-	-
	118.906.968.745	118.906.968.745	94.772.592.688	94.772.592.688

(i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với kỳ hạn từ 03 đến 06 tháng, lãi suất từ 1,5%/năm đến 4,8%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dược Hà Nội	6.184.307.597	34.661.136.845
Bệnh viện Y học cổ truyền (TP. Hồ Chí Minh)	949.443.600	12.498.298.360
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Phú Thọ	15.825.677.084	32.012.799.910
Công ty Cổ phần VITAMEC	26.122.076.635	22.131.184.427
Công ty Cổ phần DP EUPHAR	8.060.656.290	11.060.656.290
Công ty Cổ phần Bạc Liêu 333	45.876.419.693	20.358.841.235
Công ty Cổ phần Expos	39.501.416.797	19.074.640.651
Công ty Cổ phần Romas	53.779.839.068	6.125.353.966
Công ty Cổ phần UNESFA	42.660.512.694	-
Công ty Cổ phần TW9	40.958.721.906	-
Công ty Cổ phần Tung Ương 5	39.073.907.418	9.299.566.000
Phải thu khách hàng khác	115.656.318.888	151.686.780.079
	434.649.297.670	318.909.257.763

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Saigonfa	3.738.385.509	10.584.381.546
Công ty TNHH B.PHARMA (i)	48.565.345.525	48.565.345.525
Công ty TNHH MTV Viên ngọc Duy Phú Thọ	2.405.906.860	2.405.906.860
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	2.302.981.005	9.891.403.627
	57.012.618.899	71.447.037.558

(i) Theo các hợp đồng số VM10 giữa Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (bên mua) và công ty TNHH B.Pharma (bên bán) ký ngày 10/05/2021 về việc mua bán máy móc thiết bị để phục vụ việc sản xuất các sản phẩm.

4.5. Phải thu khác

4.5.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	-	-	214.097.016	-
Ký cược, ký quỹ	2.450.745	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi	788.731.065	-	1.126.013.552	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	856.622.877	-	1.523.755.151	-
Đặt cọc mua bất động sản	7.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	10.100.010	-
	8.647.804.687	-	2.873.965.729	-

4.5.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	2.257.076.528	-	4.239.198.274	-
Công ty CP Dược liệu Trung ương Govamec (i)	40.665.250.000	-	40.665.250.000	-
Công ty CP Sinh học Tuyên Quang (ii)	40.655.000.000	-	40.655.000.000	-
Công ty CP Dược phẩm Dược liệu Minh Khang (iii)	10.000.000.000	-	-	-
Cộng	93.577.326.528	-	85.559.448.274	-

(i) Khoản phải thu về Hợp đồng hợp tác đầu tư số 26/2023/HĐHT/VIETMEC-GOVAMEC ngày 26/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam và Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương Govamec về hợp tác đầu tư Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý tại thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai; Số vốn tham gia hợp tác là 81.330.500.000 đồng, chiếm 35% tổng mức đầu tư dự án; Phương thức phân chia lợi nhuận sau thuế.

(ii) Khoản phải thu về Hợp đồng hợp tác đầu tư số 25/2023/HĐHT/VM-SHTQ ngày 25/10/2023 giữa Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam và Công ty Cổ phần Sinh học Tuyên Quang về hợp tác đầu tư Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Số vốn tham gia hợp tác là 81.310.000.000 đồng, chiếm 35% tổng mức đầu tư dự án; Phương thức phân chia lợi nhuận sau thuế

(iii) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư 0312/2024/HDDT/DLVN.MK về dự án "Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý" tại huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận ký ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (VIETMEC) (Bên A) và Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Minh Khang (Bên B):

- Mục tiêu chung: Hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gen dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững.
- Địa điểm thực hiện dự án: Các địa điểm thành phần bố tại các xã Phước Tiến, Phước Tân, Phước Bình, Phước Hòa. Các khu vực này đầu tư, cải tạo để sản xuất các loại dược liệu quý trong dự án.
- Thời gian thực hiện dự án 25 năm tính từ khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng (thời gian thực hiện đầu tư 01/2025; dự kiến đưa công trình vào sử dụng: 04/2025)
- Tổng vốn đầu tư: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Tỷ lệ góp vốn: Bên A đầu tư 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ đồng chẵn) tương ứng 20% tổng dự án; Bên B đầu tư 132.000.000.000 (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng) tương ứng 52,8% tổng vốn góp dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Thời gian	Giá gốc VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.				
Bệnh viện đa khoa Trường cao đẳng y tế Quảng Nam	Trên 3 năm	916.989.150	Dưới 3 năm	916.989.150
Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Khê	Trên 3 năm	306.218.650	Dưới 3 năm	306.218.650
Bệnh viện Đa khoa thị xã Bim Sơn	Trên 3 năm	375.879.000	Dưới 3 năm	375.879.000
Bệnh viện Thành phố Thủ Đức	Trên 3 năm	203.733.600	Dưới 3 năm	203.733.600
Trung tâm Y tế huyện Quế Sơn	Trên 3 năm	221.851.350	Dưới 3 năm	161.221.620
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Trên 3 năm	516.108.130	Dưới 3 năm	618.465.280
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phước Hạnh	Trên 3 năm	358.621.200	Dưới 3 năm	454.707.750
Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Thăng Hoa	Trên 3 năm	359.276.400	Dưới 3 năm	303.918.930
Các đối tượng khác	Trên 1 năm	1.127.455.893	Trên 6 tháng	1.044.999.393
	-	4.386.133.373	-	4.386.133.373
		(2.696.941.987)		(2.812.472.642)

4.7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	114.612.902.897	-	157.093.354.783	-
Chi phí SXKD dở dang	9.227.046.875	-	5.236.069.256	-
Thành phẩm	84.864.073.866	-	8.703.837.781	-
Hàng hóa	29.552.470.545	-	59.862.078.937	-
Hàng gửi đi bán	-	-	63.516.677	-
	238.256.494.183	-	230.958.857.434	-

4.8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

4.8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	714.587	116.479.287
Chi phí bảo hiểm	136.109.163	148.280.875
Các khoản khác	235.276.512	162.643.119
	372.100.262	427.403.281

4.8.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.091.620.763	1.315.779.575
Chi phí mua bảo hiểm	59.794.564	89.691.844
Chi phí thuê đất	371.821.477	420.209.702
Các khoản khác	936.521.112	819.800.549
	2.459.757.916	2.645.481.670

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.400.432.006	-	80.888.489.409	91.084.395.928	204.525.487	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.220.275.592	2.220.275.592	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.672.118.108	7.526.574.665	821.533.514	5.032.923.043	-
Thuế thu nhập cá nhân	475.185.927	-	939.885.522	917.408.141	497.663.308	-
Thuế nhà đất	-	-	4.958.200	4.958.200	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-
	10.875.617.933	1.672.118.108	91.593.183.388	95.061.571.375	5.735.111.838	-

Ghi chú: Công ty được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với mức thuế suất 17% trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới. Công ty được miễn 02 năm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm tài chính 2024 là năm thứ 5 (năm) có thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư mới.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số đầu năm	107.066.114.168	76.533.666.487	10.495.018.300	7.342.305.393	7.819.405.919	209.256.510.267
Tăng trong năm	-	393.812.000	-	1.305.244.411	-	1.699.056.411
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	1.120.062.593	-	1.120.062.593
- Mua trong năm	-	393.812.000	-	185.181.818	-	578.993.818
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	107.066.114.168	76.927.478.487	10.495.018.300	8.647.549.804	7.819.405.919	210.955.566.578
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	21.840.125.343	24.687.852.189	3.434.010.103	4.043.942.580	2.186.488.575	56.192.418.790
Tăng trong năm	5.209.451.138	8.349.345.588	1.612.801.327	1.009.124.050	799.063.338	16.979.785.441
- Khấu hao trong năm	5.209.451.138	8.349.345.588	1.612.801.327	1.009.124.050	799.063.338	16.979.785.441
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	27.049.576.481	33.037.197.777	5.046.811.430	5.053.066.630	2.985.551.913	73.172.204.231
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Tại ngày đầu năm	85.225.988.825	51.845.814.298	7.061.008.197	3.298.362.813	5.632.917.344	153.064.091.477
- Tại ngày cuối năm	80.016.537.687	43.890.280.710	5.448.206.870	3.594.483.174	4.833.854.006	137.783.362.447
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
- Tại ngày đầu năm	3.605.548.427	2.250.790.500	372.932.845	39.090.909	769.970.681	7.038.333.362
- Tại ngày cuối năm	3.605.548.427	2.250.790.500	372.932.845	39.090.909	769.970.681	7.038.333.362
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:						
- Tại ngày đầu năm	85.225.988.825	42.439.628.359	6.408.200.000	-	-	134.073.817.184
- Tại ngày cuối năm	80.016.537.687	43.890.280.710	5.448.206.870	-	-	129.355.025.267

4.11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	35.238.581.023	35.238.581.023
Tăng trong năm	7.087.893.779	7.087.893.779
- Thuê tài chính trong năm	7.087.893.779	7.087.893.779
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	42.326.474.802	42.326.474.802
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	9.122.980.771	9.122.980.771
Tăng trong năm	8.051.594.034	8.051.594.034
- Khấu hao trong năm	8.051.594.034	8.051.594.034
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	17.174.574.805	17.174.574.805
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu năm	26.115.600.252	26.115.600.252
- Tại ngày cuối năm	25.151.899.997	25.151.899.997

4.12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	159.667.682.528	178.680.000	159.846.362.528
Tăng trong năm	50.473.812.000	-	50.473.812.000
- Mua trong năm	50.473.812.000	-	50.473.812.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	210.141.494.528	178.680.000	210.320.174.528
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1.882.409.652	107.645.409	1.990.055.061
Tăng trong năm	1.279.259.820	59.559.996	1.338.819.816
- Khấu hao trong năm	1.279.259.820	59.559.996	1.338.819.816
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	3.161.669.472	167.205.405	3.328.874.877
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tại ngày đầu năm	157.785.272.876	71.034.591	157.856.307.467
- Tại ngày cuối năm	206.979.825.056	11.474.595	206.991.299.651

4.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc, thiết bị hệ thống xưởng sản xuất thuốc điều trị Ung thư	79.275.269.136	79.275.269.136
Máy móc, thiết bị hệ thống nghiên cứu kiểm nghiệm	9.408.670.786	9.022.226.690
Hệ thống hút khói nhà 05 tầng tại NM Phú Thọ	602.742.536	602.742.536
Chi phí mua đất cho Dự án Trung tâm bảo tồn nguồn dược liệu quý và phát triển dược liệu dưới tán rừng (i)	88.000.000.000	88.000.000.000
Chi phí đầu tư dự án IPO	13.982.407.027	13.601.005.583
Chi phí đầu tư Nhà thuốc tại Ngõ Gia Tự	424.468.000	424.468.000
Chi phí san lấp tại Nhà máy Phú Thọ	6.954.850.000	6.954.850.000
Chi phí mua đất mở Chi nhánh tại Hải Phòng	-	15.394.000.000
Chi phí mua đất mở Chi nhánh tại Đà Nẵng	-	50.473.812.000
Chi phí đầu tư khác	9.093.267.642	834.470.944
	207.741.675.127	264.582.844.889

(i) Theo Nghị quyết số 05A/2022/NQ-HĐQT/DLVN ngày 13/05/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam về việc phê duyệt Dự án thành lập Trung tâm bảo tồn nguồn dược liệu quý và phát triển dược liệu dưới rừng tại xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, Công ty đã mua 02 lô đất với tổng diện tích là 571.000 m² tại xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ với giá chuyển nhượng là 88.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: RTs; Thời hạn sử dụng: Đến năm 2054, Công ty đang thực hiện chuyển đổi thời hạn sử dụng đất thành 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần VIBFA	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

4.15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Minh	2.687.697.268	2.687.697.268	2.848.467.270	2.848.467.270
Công ty CP Dược phẩm Benovas - CN Hà Nội	4.054.183.839	4.054.183.839	4.093.285.581	4.093.285.581
Công ty CP Venzor	15.235.699.387	15.235.699.387	16.740.190.228	16.740.190.228
Phạm Thị Dương	3.248.491.802	3.248.491.802	1.803.455.950	1.803.455.950
Công ty Cổ phần Dược phẩm Nhất Minh	10.496.455.900	10.496.455.900	-	-
Công ty CP Trung ương Fisamec	4.350.691.776	4.350.691.776	9.737.184.624	9.737.184.624
Các đối tượng khác	52.491.182.691	52.491.182.691	58.942.159.955	58.942.159.955
	92.564.402.663	92.564.402.663	94.164.743.608	94.164.743.608

4.16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Dược phẩm Trung ương I	-	244.545.000
Các đối tượng khác	67.689.020	208.194.347
	67.689.020	452.739.347

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	961.039.745	1.371.080.529
	961.039.745	1.371.080.529

4.18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước từ bán tài sản thuê tài chính	2.791.437.590	4.706.314.745
Doanh thu chưa thực hiện khác	-	69.000.000
	2.791.437.590	4.775.314.745

4.19. Phải trả khác

4.19.1. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	119.620.050	119.017.250
Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ	-	86.575.452
Thủ lao Hội đồng quản trị	-	250.000.000
Phạm Thu Trang - Nhận đặt cọc bán đất (i)	20.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	49.720.000
	20.119.620.050	505.312.702

(i) là khoản đặt cọc giữa bà Phạm Thu Trang và Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam để đảm bảo cho việc chuyển nhượng thửa đất số 89; tờ bản đồ số: 32; Địa chỉ: Tổ 10, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

4.19.2. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về thu hộ tiền mua cổ phần của CBCNV	1.133.042.000	1.133.042.000
Phải trả về tiền ràng buộc trách nhiệm của CBCNV	1.216.370.900	1.490.269.900
	2.349.412.900	2.623.311.900

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
4.20. Vay và nợ thuê tài chính						
4.20.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	658.203.577.065	658.203.577.065	1.252.473.419.932	1.187.586.553.771	723.090.443.226	723.090.443.226
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	50.370.597.071	50.370.597.071	165.281.787.837	147.950.764.590	67.701.620.318	67.701.620.318
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	-	-	42.041.700.891	2.050.000.000	39.991.700.891	39.991.700.891
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (3)	409.535.963.114	409.535.963.114	544.063.727.728	597.938.740.544	355.660.950.296	355.660.950.296
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (4)	-	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV INDOVINA (5)	-	-	56.795.646.257	-	56.795.646.257	56.795.646.257
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (6)	13.907.775.707	13.907.775.707	-	13.907.775.707	-	-
Ngân hàng Sinopac (7)	69.748.839.194	69.748.839.194	107.653.880.122	132.529.523.110	44.873.196.206	44.873.196.206
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (8)	39.951.078.318	39.951.078.318	79.576.863.772	79.644.837.665	39.883.104.425	39.883.104.425
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (9)	69.956.399.977	69.956.399.977	79.261.907.116	119.917.036.595	29.301.270.498	29.301.270.498
Ngân hàng TNHH MTV Huanan Việt Nam (10)	4.732.923.684	4.732.923.684	152.016.644.650	83.767.968.560	72.981.599.774	72.981.599.774
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (11)	-	-	7.901.354.561	-	7.901.354.561	7.901.354.561
Đỗ Thị Nhung	-	-	9.879.907.000	9.879.907.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.364.596.916	11.364.596.916	10.923.076.920	11.364.596.916	10.923.076.920	10.923.076.920
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	9.909.000.334	9.909.000.334	12.759.522.857	16.015.761.787	6.652.761.404	6.652.761.404
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	679.477.174.315	679.477.174.315	1.276.156.019.709	1.214.966.912.474	740.666.281.550	740.666.281.550

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Thứ nhất là các Lã các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số CLC-27890-01 ký ngày 01/10/2024, hạn mức tín dụng: 190.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC, phát hành bảo lãnh (dự thầu, thực hiện hợp đồng, bảo lãnh, tạm ứng, bảo lãnh thanh toán) phục vụ hoạt động kinh doanh được, thiết bị y tế và thực phẩm chức năng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 999201, số vào sổ cấp GCN: VP 02700 DO Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 13/08/2024 tại Địa chỉ: TB-25, Khu biệt thự kinh doanh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP HN; với giá trị là 24.971.274.252 ứng với diện tích là 297m2
 - Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 250935, số vào sổ cấp GCN: VP 2872 DO Ủy ban Nhân dân Thành phố Việt Trì cấp ngày 09/05/2019; 19/10/2020 ; Thửa đất số 122 Tờ bản đồ số 14 Địa chỉ: Khu 9, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, với diện tích 91,4m2, với giá trị là: 2.700.555.000
 - Quyền sở hữu đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CX 432394, số vào sổ cấp GCN: CT16020 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng cấp
- Thứ hai là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 020823-2751778-01-SME ký ngày 07/08/2023, hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ hoạt động kinh doanh được, thiết bị y tế và thực phẩm chức năng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CX 432394, số vào sổ cấp GCN: CT16020 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/01/2021 tại số SB.02 khu đô thị Vinhomes Marina, thành phố Hải Phòng của ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc Công ty);
 - 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City BKS: 19A-383-66, số khung: RLHGN2685MY003704, số máy: L15ZC1005499 của Công ty;
 - Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long.
- (2) Hợp đồng cho vay Hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT224-VIETMEC Ngày 23/08/2024 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Lưu Xá nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 10 thuộc tờ bản đồ số 39, địa chỉ: số 324 phố Minh Khai, tổ 30A, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, diện tích 102,6m2 theo Giaasy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB513041, số vào sổ cấp GCN: CS-HBT 14117 Do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/02/2022, với giá trị tại thời điểm thế chấp: 37.570.000.000.
- (3) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/3990765/HĐTD ký ngày 08/08/2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 450.000.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Bất động sản tại Thửa đất số 1(6), tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, diện tích 142,0 m2 được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 999011, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 01480 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25/07/2018 cho Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam;

- Bất động sản tại Thừa đất số 1(7), tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, diện tích 136,0 m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 999012, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 01481 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25/07/2018 cho Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam;
 - Bất động sản tại Thừa số 15, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, diện tích 175,8m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 858870, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00883 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 15/09/2016 cho Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam;
 - Bất động sản tại Thừa số 124, tờ bản đồ số 11, địa chỉ Thôn Biều Khê, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, diện tích 300,0 m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 710372, số vào sổ cấp GCN: CS 66506 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 18/11/2021 cho ông Vũ Trung Thành (Tổng Giám đốc công ty);
 - Bất động sản tại Thừa số 30, tờ bản đồ số 03-84/PA-CL, địa chỉ Thôn Sáp Mai, Xã Vĩng La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, diện tích 80,0 m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 888523, số vào sổ cấp GCN: CS 66297 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2021 cho ông Vũ Trung Thành (Tổng Giám đốc công ty);
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ AD09-76 Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, diện tích 304,0 m² được ghi nhận nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 742082, số vào sổ cấp GCN: CS 24966 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2018 của bên thứ 3;
 - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty, ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc công ty) và Bên thứ 3;
- (4) Là hợp đồng hạn mức thấu chi số 04 71/2024/HĐHMTCPGB ngày 31/07/2024 giữa Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển và Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam với hạn mức thấu chi :8.000.000.000 đồng, thời hạn 6 tháng tương ứng với lãi suất 12,4%/năm với mục đích thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- (5) Là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Indovina theo từng giấy cam kết nhận nợ với hạn mức: 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 8 tháng nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động, phát hành và bảo lãnh và mở Thư tín dụng của bên Vay. Khoản vay này được đảm bảo bởi các tài sản đảm bảo sau:
- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 451, tờ bản đồ số 33 tại địa chỉ xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền vs Đất" số BE 711913, số vào sổ cấp GCN: CH 00740 do UBND Huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2011, được sang tên cho ông Vũ Hoàng Anh và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hóc Môn xác nhận ngày 27/01/2022, trị giá là 56.602.000.000 VNĐ(Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ sáu trăm linh hai triệu đồng) theo Biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 14/08/2024, xác lập bằng Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 011517, quyền số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/08/2024, các phụ lục, hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp và các chứng từ khác có liên quan
 - Quyền tài sản của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam phát sinh từ Hợp đồng Mua Bán Nhà Ở số D9-04/VHGP/HĐMBNO ngày 07/08/2020 ký giữa bên Mua là bà Bùi Thị Mỹ Duyên và Bên Bán là Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh (Sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư"); Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng Mua bán Nhà Ở Thương mại ký giữa Bên chuyển nhượng là Bà Bùi Thị Mỹ Duyên và Bên nhận chuyển nhượng là Bà Nguyễn Thị Hải đã được công chứng viên Văn phòng Công chứng Châu Á, TP Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 27/10/2020, số công chứng -26120, quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD, Xác nhận của Chủ đầu tư ngày 17/11/2020; Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng Mua bán Nhà Ở giữa bên Chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Hải và Bên Nhận Chuyển nhượng là Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam đã được Công chứng viên Văn Phòng Công Chứng Châu Á, TP HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỠC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

chứng nhận ngày 11/07/2022, số công chứng 015956, quyền số 7/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, Xác nhận của Chủ đầu tư ngày 26/07/2022, trị giá là 17.617.000.000.

- Các khoản tiền gửi tại Chi nhánh Ngân hàng Indovina Hà Nội

(6) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương VN theo hợp đồng tín dụng số DDA20231309798/HĐTD ngày 24 tháng 10 năm 2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/ thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng: Hợp đồng mua bán nhà ở số D9-04/VHGP/HĐMBNO ký ngày 07/08/2020; Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở thương mại số công chứng 026120, quyền số 20 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2020 và Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở thương mại số công chứng 015956, quyền số 7/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2022 tại Nhà ở thương mại số D09-04 phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hà Nội Dự án Vinhomes Grand Park.

(7) Là các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng Sinopac – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 221035 ngày 17 tháng 10 năm 2022 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 221035-SDBS1 ngày 06/11/2023 về việc gia hạn thời gian cấp tín dụng đến 31/10/2024 và hạn mức cấp tín dụng là 4.000.000 USD hoặc các khoản tiền tương đương bằng đồng Việt Nam nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng Sinopac CN Hồ Chí Minh.

(8) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cho vay hạn mức số VN123002314-001/2023-HĐCVHM/WBVN101 ngày 31 tháng 03 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/ thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(9) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số HN/2023/04/BCB/HĐTD ngày 05 tháng 05 năm 2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/ thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Hạn mức tín dụng là 70 tỷ VND. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong – Cn Hà Nội.

(10) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Hua Nan commercial, Ltd – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số HNHCMCFL-S/76/2023 ngày 23 tháng 10 năm 2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/ thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng Hua Nan commercial, Ltd – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

(11) Hợp đồng hạn mức số 27016/24MB/HĐTD ngày 11/09/2024 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh chi nhánh Ba Đình với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 (Ba mươi tỷ đồng) với thời hạn vay là 12 tháng mục đích bổ sung vốn lưu động để chi lương cho CBNV qua HDBank.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.20.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	46.634.259.555	46.634.259.555	1.400.000.000	13.920.626.982	34.113.632.573	34.113.632.573
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (1)	45.039.452.884	45.039.452.884	-	12.359.106.982	32.680.345.902	32.680.345.902
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	1.594.806.671	1.594.806.671	1.400.000.000	1.561.520.000	1.433.286.671	1.433.286.671
Nợ thuê tài chính dài hạn	17.120.289.477	17.120.289.477	7.087.893.779	14.859.731.721	9.348.451.535	9.348.451.535
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV (3)	2.228.821.632	2.228.821.632	-	2.228.821.632	-	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease (4)	14.891.467.845	14.891.467.845	7.087.893.779	12.630.910.089	9.348.451.535	9.348.451.535
	63.754.549.032	63.754.549.032	8.487.893.779	28.780.358.703	43.462.084.108	43.462.084.108
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng:						
Nợ dài hạn đến hạn trả	21.273.597.250	21.273.597.250			17.575.838.324	17.575.838.324
Nợ thuê tài chính dài hạn	11.364.596.916	11.364.596.916			10.923.076.920	10.923.076.920
Trái phiếu phát hành	9.909.000.334	9.909.000.334			6.652.761.404	6.652.761.404
	-	-			-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	42.480.951.782	42.480.951.782			25.886.245.784	25.886.245.784

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

- (1) Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/3990765/HĐTD ký ngày 15 tháng 12 năm 2020 nhằm mục đích thanh toán chi phí hợp lý đầu tư dự án Nhà máy sản xuất thuốc và các sản phẩm trong lĩnh vực y tế GMP-WHO giai đoạn 2 tại Khu 8, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lâu trả sau kỳ hạn 24 tháng cộng 3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Toàn bộ số cổ phiếu và toàn bộ quyền lợi phát sinh từ số lượng cổ phiếu sở hữu, bao gồm: quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hay bằng cổ phiếu, quyền được mua cổ phiếu phát hành thêm với giá ưu đãi và các quyền lợi khác, tổng số lượng cổ phiếu đảm bảo là 950.000 cổ phiếu của ông Vũ Thành Trung (TGD công ty);
 - Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Dự án "Đầu tư nhà máy sản xuất thuốc và các sản phẩm trong lĩnh vực y tế GMP-WHO giai đoạn 2 tại Khu 8, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ" của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam;
- (2) Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long:
- Theo hợp đồng cho vay số 140720-2751778-01-SME ký ngày 15 tháng 7 năm 2020 nhằm mục đích thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô. Thời hạn vay 78 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,8%/năm và được điều chỉnh định kỳ đầu mỗi quý. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô nhãn hiệu Vinfast, số loại Lux SA, BSX 30G-444.36 của Công ty;
 - Theo hợp đồng cho vay số CLC-7758-01 ký ngày 29 tháng 11 năm 2023 nhằm mục đích thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,8%/năm và được điều chỉnh định kỳ đầu mỗi quý. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô nhãn hiệu Kia, số loại CARNIVAL KA4 23.5 AFH7, BKS 30K-718.25 của Công ty;
- (3) Là các khoản nợ thuế tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21719000172/HĐCTTC ngày 31 tháng 07 năm 2019. Thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuế được cố định 8,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu tiên của thời hạn thanh toán. Từ tháng thứ 04, lãi suất thuế bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,8%/năm;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 21719000173/HĐCTTC ngày 31 tháng 07 năm 2019. Thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuế được cố định 8,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu tiên của thời hạn thanh toán. Từ tháng thứ 04, lãi suất thuế bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,8%/năm;
- (4) Là các khoản nợ thuế tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C210323912 ngày 18 tháng 03 năm 2021. Thời hạn thuê 44 tháng, lãi suất thuế 9,83%/năm;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C210723012 ngày 26 tháng 07 năm 2021. Thời hạn thuê 42 tháng, lãi suất thuế 9,8%/năm;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C210725512 ngày 07 tháng 10 năm 2021. Thời hạn thuê 42 tháng, lãi suất thuế 9,83%/năm;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C211235212 ngày 28 tháng 12 năm 2021. Thời hạn thuê 42 tháng, lãi suất thuế 12,17%/năm;

4.20.3. Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng 1 năm	10.923.076.920	11.364.596.916
Trong năm thứ hai	11.364.596.916	10.187.930.249
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.825.958.737	25.081.732.390
Sau năm năm	-	-
	34.113.632.573	46.634.259.555
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	10.923.076.920	11.364.596.916
Số phải trả sau 12 tháng	23.190.555.653	35.269.662.639

4.20.4. Các khoản nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do nợ thuê tài chính:				
- Trong vòng 1 năm	6.652.761.404	9.909.000.334	6.652.761.404	9.909.000.334
- Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.695.690.131	7.211.289.143	2.695.690.131	7.211.289.143
	9.348.451.535	17.120.289.477	9.348.451.535	17.120.289.477
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai			-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả			9.348.451.535	17.120.289.477
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng			6.652.761.404	9.909.000.334
Số phải trả sau 12 tháng			2.695.690.131	7.211.289.143

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.21. Vốn chủ sở hữu

4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	356.500.000.000	159.200.000.000	7.166.452.294	125.364.082.889	648.230.535.183
Tăng trong năm trước	-	-	5.441.523.095	43.162.348.835	48.603.871.930
- Lãi trong năm trước	-	-	-	43.162.348.835	43.162.348.835
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	5.441.523.095	-	5.441.523.095
Giảm trong năm trước	-	-	-	(8.162.284.642)	(8.162.284.642)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(5.441.523.095)	(5.441.523.095)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.720.761.547)	(2.720.761.547)
Số dư cuối năm trước	356.500.000.000	159.200.000.000	12.607.975.389	160.364.147.082	688.672.122.471
Số dư đầu năm nay	356.500.000.000	159.200.000.000	12.607.975.389	160.364.147.082	688.672.122.471
Tăng trong năm	71.299.160.000	-	32.072.829.416	47.874.884.656	79.947.714.072
- Tăng vốn trong năm	71.299.160.000	-	-	-	71.299.160.000
- Lãi trong năm	-	-	-	47.874.884.656	47.874.884.656
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	32.072.829.416	-	32.072.829.416
Giảm trong năm	-	-	-	(103.371.989.416)	(103.371.989.416)
- Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	(32.072.829.416)	(32.072.829.416)
- Chia cổ phiếu bằng cổ tức	-	-	-	(71.299.160.000)	(71.299.160.000)
Số dư cuối năm nay	427.799.160.000	159.200.000.000	44.680.804.805	104.867.042.322	736.547.007.127

4.32.1. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Vũ Thành Trung	85.800.000.000	20,06%	71.500.000.000	20,06%
Vốn của các cổ đông khác	341.999.160.000	79,94%	285.000.000.000	79,94%
	427.799.160.000	100,00%	356.500.000.000	100,00%

4.21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	356.500.000.000	356.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	71.299.160.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	427.799.160.000	356.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.21.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.779.916	35.650.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	42.779.916	35.650.000
+ Cổ phiếu phổ thông	42.779.916	35.650.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.779.916	35.650.000
+ Cổ phiếu phổ thông	42.779.916	35.650.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/Cổ phiếu	

4.21.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	160.364.147.082	125.364.082.889
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	47.874.884.656	43.162.348.835
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	208.239.031.738	168.526.431.724
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(103.371.989.416)	(8.162.284.642)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(32.072.829.416)	(5.441.523.095)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.720.761.547)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	(71.299.160.000)	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối năm	104.867.042.322	160.364.147.082

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DLVN ngày 31/05/2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam trên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của năm 2023, cụ thể như sau:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển (20%): 32.072.829.416 đồng
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu : 71.300.000.000 đồng

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.491.547.994.994	811.322.634.419
Doanh thu bán thành phẩm, dịch vụ gia công	88.467.296.148	671.019.287.914
	1.580.015.291.142	1.482.341.922.333

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	-	323.628.175
Hàng bán bị trả lại	46.032.000	298.610.626
	46.032.000	622.238.801

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán của hàng hóa	1.372.613.961.292	754.144.547.783
Giá vốn hàng bán của thành phẩm, gia công	66.757.628.814	569.335.472.542
	1.439.371.590.106	1.323.480.020.325

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.592.777.323	5.709.940.411
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	420.164.891
	4.592.777.323	6.130.105.302

5.5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	47.700.455.832	58.596.999.362
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	277.379.453
	47.700.455.832	58.874.378.815

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	7.773.980.575	20.300.568.825
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	100.236.374	512.195.856
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	155.836.430	182.642.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.242.999.209	1.023.496.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.440.799.170	2.599.274.213
Chi phí khác bằng tiền	540.876.927	1.054.368.857
	11.254.728.685	25.672.546.257

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.178.030.712	12.599.004.990
Chi phí vật liệu quản lý	127.792.759	73.588.692
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	870.739.003	1.055.720.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.176.365.561	3.831.843.840
Thuế, phí và lệ phí	47.775.512	120.621.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.428.572.458	5.412.837.572
Chi phí khác bằng tiền	5.590.363.293	4.923.505.929
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản nợ phải thu khó đòi	-	2.812.472.642
	28.419.639.298	30.829.595.637

5.8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ các khoản phạt	140.550.248	168.269.532
Thu nhập khác	624.436.067	487.642.487
	764.986.315	655.912.019

5.9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.575.467.394	12.952.084
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	351.448.476	107.394.129
Chi phí khác	252.233.668	32.545.379
	3.179.149.538	152.891.592

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	7.526.574.665	6.333.919.392
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.526.574.665	6.333.919.392

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	55.401.459.321	49.496.268.227
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.990.938.515	542.108.293
+) <i>Chi phí không được trừ</i>	2.990.938.515	542.108.293
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+) <i>Các khoản khác</i>	-	-
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	58.392.397.836	50.038.376.520
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 17%	36.103.520.887	31.945.703.591
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	22.288.876.949	18.092.672.929
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD được ưu đãi (thuế suất 17%) và được giảm 50%	3.068.799.275	2.715.384.805
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	4.457.775.390	3.618.534.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp trong năm	7.526.574.665	6.333.919.392

5.11. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	47.874.884.656	43.162.348.835
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	47.874.884.656	43.162.348.835
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	42.779.916	35.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	1.119	1.211
b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (cổ phiếu)	-	7.130.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.119	1.009

Chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu bị ảnh hưởng do Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DLVN ngày 31/05/2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam.

5.12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	670.833.167.518	547.957.221.476
Chi phí nhân công	34.149.748.861	41.094.517.065
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.940.612.341	3.422.167.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.790.285.112	25.973.381.329
Thuế, phí và lệ phí	47.775.512	33.773.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.499.332.924	12.211.140.649
Chi phí khác bằng tiền	6.139.730.220	3.972.508.296
	746.400.652.488	634.664.709.290

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.260.961.313.711	1.238.830.472.170
	1.260.961.313.711	1.238.830.472.170

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.203.846.285.492	1.142.845.893.908
	1.203.846.285.492	1.142.845.893.908

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

7.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu [các cổ đông] thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	766.552.527.334	721.958.126.097
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	85.716.381.492	104.847.984.669
Nợ thuần	680.836.145.842	617.110.141.428
Vốn chủ sở hữu	736.547.007.127	688.672.122.471
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,92	0,90

7.2. Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính.

7.3. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (i)	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	85.716.381.492	104.847.984.669
Phải thu khách hàng, phải thu khác	539.571.370.872	410.155.144.408
Đầu tư ngắn hạn	118.906.968.745	94.772.592.688
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000
	764.194.721.109	629.775.721.765
	Giá trị ghi sổ (i)	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	115.033.435.613	97.293.368.210
Chi phí phải trả	961.039.745	1.371.080.529
Vay và nợ	766.552.527.334	721.958.126.097
	882.547.002.692	820.622.574.836

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

7.4. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu

của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và tương đương tiền	104.847.984.669	-	-	104.847.984.669
Phải thu khách hàng, phải thu khác	318.970.750.850	85.559.448.274	-	404.530.199.124
Đầu tư ngắn hạn	94.772.592.688	-	-	94.772.592.688
Đầu tư dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
	518.591.328.207	85.559.448.274	20.000.000.000	624.150.776.481
	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và tương đương tiền	85.716.381.492	-	-	85.716.381.492
Phải thu khách hàng, phải thu khác	440.600.160.370	93.577.326.528	-	534.177.486.898
Đầu tư ngắn hạn	118.906.968.745	-	-	118.906.968.745
Đầu tư dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
	645.223.510.607	93.577.326.528	20.000.000.000	758.800.837.135
	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	94.670.056.310	-	-	94.670.056.310
Chi phí phải trả	1.371.080.529	-	-	1.371.080.529
Vay và nợ	679.477.174.315	42.480.951.782	2.623.311.900	724.581.437.997
	775.518.311.154	42.480.951.782	2.623.311.900	820.622.574.836
	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	112.684.022.713	2.349.412.900	-	115.033.435.613
Chi phí phải trả	961.039.745	-	-	961.039.745
Vay và nợ	740.666.281.550	25.886.245.784	-	766.552.527.334
	854.311.344.008	28.235.658.684	-	882.547.002.692

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

8.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập Ban Điều hành và thủ lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Trần Bình Duyên	Chủ tịch	-	50.000.000
Vũ Thành Trung	Thành viên	16.000.000	40.000.000
Nguyễn Văn Cải	Thành viên	20.000.000	40.000.000
Phạm Hoàng Linh	Thành viên	-	40.000.000
Lê Cao Hoàng	Thành viên	23.200.000	-
Đoàn Thị Thu Hoài	Thành viên	-	40.000.000
Ban kiểm soát			
Nhữ Thị Thu Trang	Trưởng ban	-	20.000.000
Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trưởng ban	-	-
Dương Thị Ngọc	Thành viên	-	10.000.000
Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	-	10.000.000
Nguyễn Thị Hà	Kiểm toán độc lập	16.000.000	-
Nguyễn Diệp Khánh Linh	Trưởng ban	16.000.000	-
Đặng Thị Khánh Ngân	Thành viên	10.000.000	-
Bùi Công tuần	Thành viên	10.000.000	-
Ban Điều hành			
Vũ Thành Trung	Tổng Giám đốc	659.491.750	690.855.785
Trần Bình Duyên	Phó Tổng Giám đốc	145.603.810	509.386.174
Nguyễn Văn Cải	Phó Tổng Giám đốc	230.200.000	-
Đoàn Thị Thu Hoài	Phó Tổng Giám đốc	186.404.218	437.944.137
Đoàn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng	-	248.365.082
Nguyễn Mạnh Thắng	Kế toán trưởng	409.289.000	229.135.764
		1.742.188.778	2.365.686.942

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

8.2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần VIBFA	Hà Nội	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính, công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan.

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

Công ty không có số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan trong năm tài chính 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

8.3. Thông tin về bộ phận

Theo Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính. Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm trước	Chỉ tiêu	Kinh doanh được phẩm và vật tư y tế		Sản xuất và kinh doanh được liệu		Hoạt động khác		Tổng bộ phận đã báo cáo		Tổng bộ phận đã báo cáo	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	810.905.415.465		562.435.003.171		114.509.370.198		1.487.849.788.834		1.487.849.788.834	
	Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-		-		-		-		-	
	Khấu hao và chi phí phân bổ	784.203.197.096		543.914.640.639		110.738.703.299		1.438.856.541.034		1.438.856.541.034	
	Lợi nhuận từ hoạt động KD	26.702.218.369		18.520.362.532		3.770.666.899		48.993.247.800		48.993.247.800	
	Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	133.351.691.582		92.491.254.402		18.830.825.306		244.673.771.290		244.673.771.290	
	Tài sản bộ phận cuối năm	748.447.975.020		519.115.215.136		105.689.645.933		1.373.252.836.089		1.373.252.836.089	
	Tài sản không phân bổ cuối năm	-		-		-		159.667.682.528		159.667.682.528	
	Tổng Tài sản cuối năm	748.447.975.020		519.115.215.136		105.689.645.933		1.532.920.518.617		1.532.920.518.617	
	Nợ phải trả bộ phận cuối năm	457.166.946.927		317.085.924.376		64.557.343.149		838.810.214.452		838.810.214.452	
	Nợ phải trả không phân bổ cuối năm							5.438.181.694		5.438.181.694	
	Tổng Nợ phải trả cuối năm	457.166.946.927		317.085.924.376		64.557.343.149		844.248.396.146		844.248.396.146	



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm nay	Chi tiêu	Kinh doanh được phẩm và vật tư y tế		Sản xuất và kinh doanh được liệu		Hoạt động khác		Tổng bộ phận đã bảo cáo		Tổng bộ phận đã bảo cáo	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	88.421.264.148		1.491.547.994.994		5.357.763.638		1.585.327.022.780		1.585.327.022.780	
	Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-		-		-		-		-	
	Khấu hao và chi phí phân bổ	85.153.943.642		1.436.432.685.387		5.159.784.892		1.526.746.413.921		1.526.746.413.921	
	Lợi nhuận từ hoạt động KD	3.267.320.506		55.115.309.607		197.978.746		58.580.608.859		58.580.608.859	
	Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	14.136.715.695		238.467.411.140		856.594.644		253.460.721.479		253.460.721.479	
	Tài sản bộ phận cuối năm	79.447.187.467		1.340.167.371.691		4.813.991.931		1.424.428.551.089		1.424.428.551.089	
	Tài sản không phân bổ cuối năm	-		-		-		210.141.494.528		210.141.494.528	
	Tổng Tài sản cuối năm	79.447.187.467		1.340.167.371.691		4.813.991.931		1.634.570.045.617		1.634.570.045.617	
	Nợ phải trả bộ phận cuối năm	49.869.510.207		841.231.672.913		3.021.773.676		894.122.956.796		894.122.956.796	
	Nợ phải trả không phân bổ cuối năm	-		-		-		3.900.081.694		3.900.081.694	
	Tổng Nợ phải trả cuối năm	49.869.510.207		841.231.672.913		3.021.773.676		898.023.038.490		898.023.038.490	

THO
AM
TƯ
AN
LIỆU
AM
582-C.1

8.4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.



Người lập biểu
NGUYỄN THỊ HƯƠNG



Kế toán trưởng
NGUYỄN MẠNH THẮNG



Tổng Giám đốc
VŨ THÀNH TRUNG
Phụ Thọ, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025





20 *năm* HÀNH TRÌNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM (VIETMEC)

Nhà máy: Khu 8 xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

VPĐD: Số 139 Đường Hồng Tiến, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội

Email: headoffice@vietmec.vn

Điện thoại: 024 984 1255 | Hotline: 0915 358 358